

Phụ lục IV

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)

Trường: THPT Hoàng Cầu
Tổ: Xã hội

Họ và tên giáo viên:
Phạm Ngọc Thụ

TÊN BÀI DẠY: CHỦ ĐỀ 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC
Bài 1: HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ (T1)
Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

Tiết:1

Phần một
LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000
Chương I
SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)
Bài 1
SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

I- MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức: Giúp HS thấy được

- Những sự kiện quan trọng của tình hình thế giới sau CTTG 2.
- + Sự hình thành trật thế mới sau chiến tranh thế giới thứ 2: Hội nghị Ian ta (2/1945).
- + Sự thành lập tổ chức Liên hợp quốc (mục đích, nguyên tắc hoạt động cơ bản ...).

2. Về kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng tư duy khái quát; biết nhận định, đánh giá những vấn đề lớn của LSTG

3. Về thái độ:

- Giúp HS nhận thức rõ sau CTTG II tình hình thế giới diễn ra ngày càng căng thẳng, diễn biến phức tạp, đặc biệt giữa 2 phe.
- Giúp HS liên hệ với CM VN thời kì này, đặc biệt là biết đặt CM VN trong mối liên hệ mật thiết với CM thế giới.

4. Năng lực hướng tới: Qua bài học HS thấy được quan hệ quốc tế sau CTTG2, Liên hợp quốc là tổ chức quốc tế có vị trí quan trọng trong việc gìn giữ hòa bình, an ninh thế giới..., mối quan hệ giữa VN với LHQ ra sao?

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Láp tốp: tài liệu liên quan: Bản đồ thế giới hoặc bản đồ châu Âu và châu Á, sơ đồ tổ chức LHQ

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, tranh ảnh các tổng thư kí LHQ...

III. PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, để các em sẵn sàng tiếp thu kiến thức mới.

b. Phương pháp: thông qua kênh hình bằng TVHD.GV chọn tranh ảnh, hoặc 1 đoạn phim phù hợp.

- Qua sự kiện này hình thành cho HS thấy được cục diện QHQT phức tạp sau CTTG 2, sự thành lập, mục đích, nguyên tắc hoạt động và vai trò của LHQ ra sao, mối quan hệ giữa VN với LHQ, qua mqh này VN cần làm gì để vừa bảo vệ vững chắc đất nước vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế hiệu quả...

- Giáo viên cho học sinh xem đoạn phim Mĩ thả bom nguyên tử xuống Nhật bản (6 hoặc 9/8/1945)

Sau đó giáo viên đặt câu hỏi. Qua đoạn phim em có suy nghĩ gì?

HS trả lời:

- Sự tàn khốc của chiến tranh...
- Cần chấm dứt CT đưa LSTG sang một trang mới...
- Cần có một tổ chức Quốc tế có những nguyên tắc để bảo vệ thế giới...

c. Dự kiến sản phẩm: Sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học:

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân Trước hết GV giúp HS làm rõ khái niệm “quan hệ quốc tế”, “trật tự thế giới” là gì? (có thể đặt câu hỏi gợi mở cho HS tìm hiểu khái niệm) GV yêu cầu HS đọc mục 1 SGK, rút ra những vấn đề cơ bản: <i>?Hội nghị Ianta được triệu tập trong bối cảnh lịch sử nào</i> →GV gọi cá nhân HS trình bày từng vấn đề. GV nhận xét, chốt ý GV sử dụng H₁ SGK: Thủ tướng Anh - Socxin, Tổng thống Mĩ - Ph.Rudoven, Chủ tịch hội đồng bộ trưởng Liên Xô - I.Xtalın tại hội nghị Ianta. <i>? Theo em, từ hoàn cảnh LS trên việc giải quyết những yêu cầu đó được thực hiện như thế nào ?</i> GV tiếp tục gọi HS trả lời vấn đề. GV chốt ý. GV sử dụng bản đồ TG để chỉ các khu vực đóng quân, phạm vi thế lực của	<u>I. Hội nghị Ianta (2 - 1945) và những thỏa thuận của ba cường quốc.</u> - 4 - 11/2/1945, Hội nghị quốc tế được triệu tập ở Ianta (Liên Xô), với sự tham dự của nguyên thủ 3 cường quốc: Tổng thống Mĩ Ru dơ ven, HĐBT Liên Xô Xít ta lın, Thủ tướng Anh Sốc sin, hội nghị đã đưa ra những quyết định quan trọng: +Nhanh chóng tiêu diệt tận gốc CNPX Đức và CNQP Nhật. + Thành lập tổ chức Liên hợp quốc. + Phân chia phạm vi ảnh hưởng giữa 3 cường quốc ở châu Âu và châu Á.

LX, Mỹ và đồng minh của Mỹ ở châu Âu và châu Á. (Có thể gọi 1 em HS trình bày trên bản đồ) GV liên hệ với tình hình CM VN thời kì này sau khi CM tháng Tám thành công GV: có thể đặt thêm câu hỏi: <i>Vì sao lại có thể phân chia như vậy? Căn cứ vào đâu?</i> Gọi HS trình bày quan điểm của mình và GV chốt ý: Căn cứ vào vị trí, sức mạnh và sự đóng góp của mỗi bên trong cuộc chiến. GV: <i>Căn cứ vào nội dung trên của Hội nghị, em hãy cho biết thực chất của hội nghị Ianta là gì? Ý nghĩa của hội nghị đó?</i> <i>Thế nào là trật tự hai cực Ianta?</i> GV gọi đại diện nhóm trình bày vấn đề, nhóm khác bổ sung, sau đó GV nhận xét và chốt ý: Đó là sự sắp xếp, cân bằng quyền lực giữa những nước lớn (cụ thể là 2 nước: Liên Xô và Mỹ) trên cơ sở thoả thuận tại Hội nghị Ianta.	- Những quyết định của Hội nghị Ianta cùng những thoả thuận sau đó của 3 cường quốc đã trở thành khuôn khổ của trật tự thế giới mới - trật tự 2 cực Ianta. (thường được gọi là Trật tự 2 cực Ianta do Mỹ và LX đứng đầu mỗi cực)
*Hoạt động 2: Hoạt động nhóm: GV dẫn dắt vấn đề: Trong những thoả thuận đó, có 1 nội dung hết sức quan trọng đó chính là phải thành lập 1 tổ chức mang tầm quốc tế nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới - tổ chức Liên hợp quốc ra đời GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu các vấn đề thứ tự như sau: ? <i>Sự thành lập tổ chức LHQ?</i> ? <i>Mục đích?</i> ? <i>Nguyên tắc hoạt động?</i> ? <i>Các cơ quan chính của LHQ?</i> GV gọi HS đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. Sau khi các HS trình bày xong GV bổ sung và chốt từng vấn đề rồi cho các em ghi và có thể hỏi thêm:	II. <u>Sự thành lập Liên hợp quốc.</u> - 25/4 – 26/6/1945: hội nghị quốc tế 50 nước họp tại Xanphranxixcô (Mỹ) → quyết định thành lập tổ chức LHQ. - 24/10/1945: LHQ họp phiên đầu tiên, bản Hiến chương chính thức có hiệu lực → ngày LHQ * Mục đích: - Duy trì hoà bình và an ninh thế giới. - Phát triển mqh hữu nghị giữa các dân tộc - Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng và tự quyết. * Nguyên tắc hoạt động: 5 nguyên tắc - Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc. - Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

GV sử dụng H₂ SGK: Lễ kí Hiến chương LHQ tại Xanphranxixcô. HS có thể đọc ở SGK. GV sử dụng sơ đồ tổ chức LHQ <i>? Tổ chức LHQ có những vai trò gì mà em biết qua sách, báo, đài...? Hãy liên hệ với thực tế?</i> <i>? Hiện nay LHQ có những tổ chức nào trên thế giới?</i> HS liệt kê: WHO, UNESCO, UNICEF, FAO, vv... <i>? Mối quan hệ giữa Việt Nam và LHQ thể hiện như thế nào?</i> -GV tiếp tục gọi HS trả lời vấn đề. GV chốt ý. - Liên hệ tình hình Việt Nam tháng 5/2014 (giàn khoan 981...)	- Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào. - Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng phương pháp hoà bình. - Chung sống hoà bình và sự nhất trí giữa 5 nước lớn: Anh, Mỹ, Pháp LX (nay LB Nga), TQ. * Hiến chương LHQ còn quy định bộ máy của LHQ gồm 6 cơ quan Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Hội đồng Quản thác, Toà án Quốc tế và Ban Thư kí * Vai trò: - Duy trì hoà bình và an ninh thế giới. - Thúc đẩy việc giải quyết các vụ tranh chấp, xung đột ở nhiều khu vực. - Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị và hợp tác quốc tế. - Giúp đỡ các dân tộc về kinh tế, văn hoá, giáo dục, y tế, nhân đạo... *Việt Nam - LHQ: - 20/9/1977: VN gia nhập LHQ - thành viên 149. - 2007: VN là uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an LHQ (nhiệm kì 2008 - 2009).
Phần III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập (Không dạy)	III. Sự hình thành hai hệ thống xã hội đối lập (HS tự học)

3. Hoạt động luyện tập: Yêu cầu HS phải vận dụng những kiến thức vừa học được để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể:

GV nhấn mạnh lại vấn đề đã học hôm nay:

Câu 1: Sau CTTG II, 1 trật tự TG mới được xác lập, với đặc trưng lớn nhất là gì?

HS: TG chia làm 2 phe, 2 cực là TBCN và XHCN.

Câu 2: VN phải làm gì để giành độc lập và XD phát triển đất nước?

HS: suy nghĩ trả lời: 2 ý:

- Giành độc lập thời kì chống Pháp, Mỹ (1945-1975).

- XD phát triển đất nước (1975-2000).

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng: Thống kê và tìm hiểu về một số tổ chức

LHQ hoạt động tại VN, tổ chức VH-GD đã giúp đỡ nước ta như thế nào, tìm hiểu và đánh giá tác động.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC

- Vẽ sơ đồ tổ chức LHQ

- Học bài cũ, tìm hiểu trước bài 2: Phần thành tựu công cuộc XD CNXH ở Liên Xô từ 1945 đến nửa đầu những năm 70.

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000), phần I

Tiết:2-3

Chương II:

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Bài 2

LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991), LIÊN BANG NGA (1991 - 2000)

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Những nét lớn về công cuộc XD CNXH của Liên Xô từ 1945 đến giữa những năm 70: Khó khăn của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ 2; công cuộc khôi phục kinh tế từ 1945 - 1950; công cuộc xây dựng CNXH.

2. Kỹ năng:

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá sự kiện lịch sử.

3. Thái độ:

- Khâm phục tinh thần lao động, tự lực, tự cường của nhân dân Liên Xô.
- Thấy được ưu điểm của nhà nước XHCN và những hạn chế nhất định trong vấn đề phát triển kinh tế.

4. Năng lực hướng tới:

- Thấy được những thành tựu XD CNXH ở Liên Xô là vô cùng to lớn, có tác động tích cực đến vị thế của LX trên trường quốc tế. Liên xô thực sự là thành trì của CNXH.
- VN vận dụng cơ hội trong quan hệ quốc tế như thế nào để giành độc lập và XD đất nước.

II- CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Máy tính, bản đồ Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 - 1991
- Tranh ảnh về các nhân vật quan trọng: Gagarin, Stalin...

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Xem sách giáo khoa, tìm hiểu các tư liệu về chuyến bay đầu tiên của Gagarin..

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động khác...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động khởi động:

a. Mục tiêu: Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, thông qua kênh hình bằng TVHD.

- Qua sự kiện này hình thành cho HS được những thành tựu XDCNXH ở Liên Xô là vô cùng to lớn, có tác động tích cực đến vị thế của LX trên trường quốc tế. Liên xô thực sự là thành trì của CNXH.

- Vào bài giáo viên cho học sinh xem 2 đoạn phim (2 bức tranh):

- Hậu quả của chiến tranh đối với Liên Xô

- Liên Xô Phóng vệ tinh nhân tạo hoặc nhà du hành vũ trụ Gagarin, hoặc hình ảnh các nhà du hành Liên Xô và Bác Phạm Tuân bay vào vũ trụ...

a. Phương pháp: Giáo viên đặt câu hỏi. Qua đoạn phim (bức tranh) em có suy nghĩ gì?

GV cho biết: giai đoạn LS những năm 60-70 của TKXX

HS suy nghĩ có thể trả lời:

- Thành tựu KHKT vĩ đại...
- Tác động đến cục diện TG...

c. Dự kiến sản phẩm: Sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân: GV: nhắc lại hoặc mời HS nêu lại kiến thức LS 11 về Liên bang CHXHCN Xô Viết: thành lập 1922, gồm 13 bang: Nga, Ucraina, Bêla rút, ...(ILS 11 trang 56) GV giúp HS nhớ lại vai trò của LX trong CTTG II (trụ cột), sau đó đặt câu hỏi <i>? Cuộc chiến tranh thế giới thứ II đã để lại cho Liên Xô những hậu quả gì?</i> (27 triệu người chết; 1.710 thành phố bị tàn phá; hơn 7 vạn làng mạc; gần 32.000 nhà máy xí nghiệp...) => Nhiệm vụ đề ra là phải khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, tiếp tục xây dựng CNXH.	I. Liên Xô: a. Liên Xô (1945 - 1950) - Gánh chịu hậu quả chiến tranh rất nặng nề: khoảng 27 triệu người chết, 1710 thành phố, 7 vạn làng mạc, 32000 xí nghiệp bị tàn phá.... - Tinh thần tự lực, tự cường nhân dân Liên Xô đã hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 - 1950) * Thành tựu: - Hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế trước thời hạn (4 năm 3 tháng) - 1950: Sản lượng công nghiệp tăng 73% so với trước chiến tranh.

<i>? Vậy Đảng và nhà nước Liên Xô phải làm gì để hoàn thành nhiệm vụ đó?</i> -Thực hiện kế hoạch 5 năm (1946 - 1950) <i>-?Trong 5 năm 1946 – 1950 nhân dân LX đã giành được những thành tựu gì?</i> GV: Việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế có ý nghĩa hết sức quan trọng, là nền tảng vững chắc để ND LX tiến hành công cuộc xây dựng CNXH trong những năm tiếp theo	- 1950 :Sản xuất nông nghiệp đã đạt mức trước chiến tranh - 1949: Chế tạo thành công bom nguyên tử. => Phá thế độc quyền bom nguyên tử của Mỹ
*Hoạt động 2: Cả lớp và cá nhân - GV:Sau khi hoàn thành kế hoạch khôi phục kinh tế,Liên Xô vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, kĩ thuật chưa được áp dụng nhiều vào sản xuất. Các ngành công nghiệp nặng chưa phát triển mạnh. →Liên Xô vẫn tiếp tục công cuộc xây dựng CNXH <i>? Để xây dựng CNXH, Đảng và nhà nước Liên Xô đã đề ra những biện pháp gì?</i> - Thực hiện các kế hoạch 5 năm (1951 - 1955) và (1956 - 1960), kế hoạch 7 năm (1959 - 1965). <i>? Trình bày những thành tựu mà ND Liên Xô đạt được trong thời gian này?</i> - Sản lượng công nghiệp chiếm 20% sản lượng công nghiệp thế giới. - Nông nghiệp: Năm 1970 đạt 186 triệu tấn- ¾ dân số có trình độ trung học và đại học <i>? GV hỏi:Hãy cho biết chính sách đối ngoại của Liên Xô trong thời kì này?</i> <i>? Theo em,những thành tựu LX đạt được trong công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng CNXH có ý nghĩa như thế nào?</i> - Đối với trong nước? - Đối với quốc tế?	b.Liên Xô (1950 đến nửa đầu những năm 70) * Công nghiệp: + Đến giữa những năm 70, LX trở thành cường quốc công nghiệp thứ 2 thế giới (sau Mỹ) + Đi đầu trong công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân: 1957: phóng thành công vệ tinh nhân tạo; 1961: phóng con tàu Phương Đông bay vòng quanh trái đất do phi công Ga ga rin... - <i>Nông nghiệp:</i> Sản lượng trung bình hàng năm tăng 16% (những năm 60) - <i>Chính trị, xã hội:</i> + Tương đối ổn định -<i>Đối ngoại:</i> LX chủ trương hoà bình anh ninh thế giới, ủng hộ PTGPDT, giúp đỡ các nước XHCN.

HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung ý kiến và kết thúc bài học

Tiết thứ 2

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
<i>GV: Việc tìm hiểu về công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu, em hãy rút ra nguyên nhân sụp đổ của CNXH ở Liên Xô và các nước Đông Âu?</i> HS: - Chủ quan? - Khách quan? GV bổ sung và rút ra Kết luận: - Đây là sự sụp đổ về một mô hình XD CNXH chưa đúng đắn, khoa học - GV: Liên hệ công cuộc XD CNXH ở Trung Quốc và Việt Nam để HS hiểu thêm. <i>Chuyển mục</i>	II. Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến năm 1991: 1. Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở LX (HS tự học) 2. Sự khủng hoảng của chế độ XHCN ở các nước Đông Âu (HS tự học) 3. Nguyên nhân tan rã của chế độ XHCN ở LX và các nước Đông Âu - Mô hình CNXH đã xây dựng có nhiều khuyết tật và thiếu sót; đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí; cơ chế quan liêu, bao cấp - Không bắt kịp bước phát triển của KHKT - Khi cải tổ thì mắc sai lầm - Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước => Đây là sự sụp đổ về một mô hình XD CNXH chưa đúng đắn, khoa học.
GV: giới thiệu nét chung về LBN: Dân số: 143.782.338 (2004) Diện tích: tổng S: 17.075.200 km². Diện tích đất: 16.995.800 km². (2004) GV hướng dẫn HS quan sát Liên bang Nga trên lược đồ và giới thiệu khái quát Sau đó GV nêu câu hỏi: <i>Em hãy nêu những nét chính về tình hình Liên bang Nga từ năm 1991- 2000. Tình hình chung của nước Nga hiện nay như thế nào?</i> + Về kinh tế? + Về chính trị, xã hội?	III. Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 - Từ 1991, LBN là quốc gia kế tục Liên Xô. - Trong thập kỉ 90, dưới thời tổng thống En xin tình hình khó khăn và khủng hoảng k.tế, tranh chấp sắc tộc... - 1996- 2000, từng bước phục hồi và tăng trưởng... - Đối ngoại: CS ngả về phương Tây ko đạt được mong muốn, về sau khôi phục và phát triển mối quan hệ với các nước châu Á

+ Về đối ngoại? GV bổ sung và Kết luận	-Từ năm 2000, Putin lên làm Tổng thống, từng bước đưa LBN thoát khỏi khó khăn và khủng hoảng, k.tế p. triển, chính trị ổn định vị trí quốc tế được nâng cao để trở lại vị thế cường quốc ở châu Âu-Á. - Khó khăn: Xung đột sắc tộc...
---	--

3. Hoạt động luyện tập: Yêu cầu HS phải vận dụng những kiến thức vừa học được để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể:

GV nhấn mạnh lại vấn đề đã học hôm nay:

Câu 1: Cho biết những thành tựu XDCNXH ở Liên Xô? Tác dụng trong nước quốc tế?

Câu 2: VN học tập được gì để giành độc lập và XD phát triển đất nước?

HS: suy nghĩ trả lời: 2 ý:

- Giành độc lập thời kì chống Pháp, Mĩ (1945-1975): viện trợ vũ khí hiện đại: xe tăng, máy bay, tên lửa Sam1,2 bắn hạ B52...

- XD phát triển đất nước (1975-2000): xây dựng thủy điện Hòa Bình....

Câu 3: Hướng dẫn HS khái quát nội dung cơ bản nguyên nhân sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô nhấn mạnh: Đây ko phải là CNXH sụp đổ mà chỉ là sự sụp đổ về một mô hình XDCNXH chưa đúng đắn, khoa học

- Nét nổi bật của Liên Bang Nga 1996 đến 2000, kể về một số câu chuyện về TT Putin...

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

-Sưu tầm một số tranh ảnh, phim về sự giúp đỡ của LX đối với VN: thời kì chống Pháp, Mĩ (1945-1975) và XD phát triển đất nước (1975-1991)

-Tìm đọc một số tác phẩm về công cuộc XDCNXH ở Liên Xô: tác phẩm: Thép đã tôi thế đấy, Sông đông êm đềm...một số bài hát về nước Nga lời Việt: Đôi bờ, chiều bến cảng...

Tiết: 4

Chương III

CÁC NƯỚC Á, PHI VÀ MĨ LA TINH (1945-2000)

Bài 3

CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á.

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức.

- Biết được những biến đổi lớn lao của khu vực Đông Bắc Á (Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên) sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Trình bày được nét nổi bật về đường lối đổi mới của Trung quốc từ 12-1978.

2. Kỹ năng.

- Rèn luyện về kỹ năng tổng hợp và hệ thống hóa các sự kiện lịch sử.
- Biết khai thác các tranh ảnh, biểu đồ để hiểu nội dung các sự kiện lịch sử.

3. Thái độ.

- Nhận thức được sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên không chỉ là thành quả đấu tranh của nhân dân các nước này mà còn là thắng lợi chung của các dân tộc bị áp bức trên thế giới.

- Nhận thức rõ quá trình xây dựng CNXH diễn ra không theo con đường thẳng tắp, bằng phẳng mà gập ghềnh, khó khăn.

4. Năng lực hướng tới:

- Giúp học sinh thấy được KV Đông Bắc Á là khu vực có tiềm lực về kinh tế - chính trị trong những năm cuối TK 20 đầu 21.

- Đông Bắc Á, là KV năng động quan trọng ở châu á nói riêng và TG nói chung.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ khu vực Đông Bắc Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Tranh ảnh về đất nước Trung Quốc, lãnh tụ Mao Trạch Đông, bán đảo Triều Tiên.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Học bài cũ, đọc trước bài mới.
- Suu tầm tranh ảnh về đất nước Trung Quốc và hai miền Triều Tiên.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục tiêu: Gây kích thích sự hứng thú cho học sinh, thông qua kênh hình bằng TVHD.

Qua sự kiện này hình thành cho HS được những thành tựu Đông Bắc Á

b. Phương Pháp: giáo viên cho học sinh xem một số hình ảnh kinh tế của: Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan.

Sau đó giáo viên đặt câu hỏi. Qua các hình ảnh trên em có cảm nhận và suy nghĩ gì?

HS suy nghĩ có thể trả lời:

c. Dự kiến sản phẩm: HS trả lời xong, sau đó GV bổ sung đưa ra vấn đề tìm hiểu bài học

Sau khi CTTG thứ hai kết thúc, khu vực Đông Bắc Á có sự biến đổi to lớn, với sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên và sự thành lập nước CHND Trung Hoa. Các quốc gia trong khu vực đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Để hiểu thêm về khu vực này, chúng ta cùng tìm hiểu bài 3

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Thảo luận cả lớp. GV sử dụng kiêthức liên môn: dùng “Lược đồ khu vực Đông Bắc Á” để giới thiệu sơ lược về các nước ở khu vực này trước khi trở thành những quốc gia độc lập (trừ Nhật Bản) Gồm: Trung Quốc, NB, Hàn Quốc CHDCND Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông. ... Đài Loan, Hồng Kông. HS về nhà tìm hiểu thêm GV: <i>Sau chiến tranh thế giới thứ hai, khu vực Đông Bắc Á có những biến đổi lớn nào?</i> HS: Trả lời được hai biến đổi lớn về chính trị và kinh tế của khu vực. GV: <i>Những sự kiện chính trị nào thể hiện sự biến chuyển của khu vực Đông Bắc Á sau CTTG thứ hai?</i> HS trả lời được hai sự kiện cơ bản như SGK. GV giải thích vì sao từ năm 1949, trên bán đảo Triều Tiên lại xuất hiện hai nhà nước. GV: <i>Kinh tế khu vực có tốc độ tăng trưởng như thế nào?</i>	I. Nét chung về khu vực Đông Bắc Á - Gồm: Trung Quốc, NB, Hàn Quốc CHDCND Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông. *Cộng hòa Hàn quốc: Tổng DT: 98.480 km², DT đất: 98.190 km²; DS: 48.598.175 (2004). * CHDCND Triều Tiên: Tổng DT: 120.1540 km², DT đất: 120.410 km²; DS: 22.697.553 (2004). Sau CTTG II, khu vực Đông Bắc Á đã có những chuyển biến quan trọng: * Về chính trị: -Tháng 10/1949, nước CHND Trung Hoa ra đời. -Trên bán đảo Triều Tiên xuất hiện hai nhà nước theo hai chế độ khác nhau. (Hàn Quốc và Triều Tiên) * Về kinh tế: - Từ nửa sau TK XX, khu vực này có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, đời sống của nhân dân được nâng cao. (Ba con rồng: Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan; sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế TQ, Triều Tiên)

HS đọc SGK suy nghĩ trả lời, GV nhận xét, bổ sung cho HS thấy được tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của khu vực và lấy ví dụ minh họa	
*Hoạt động 2: Cả lớp. GV: Hãy cho biết nét chung về TQ: HS: Tổng DT: 9.596.960 km², DT đất: 9.326.410 km²; DS: 1.298.847.624 (2004). GV giới thiệu bối cảnh Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách-đổi mới. GV: <i>Đường lối chung của công cuộc cải cách kinh tế-xã hội ở TQ được thể hiện ở những điểm nào? Liên hệ với đường lối đổi mới hiện nay ở Việt Nam?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung và liên hệ với hoàn cảnh, nội dung và thành tựu của công cuộc đổi mới hiện nay ở Việt Nam và giải thích các thuật ngữ khó. GV: <i>Trong 20 năm tiến hành cải cách, đất nước Trung Quốc đã có những chuyển biến gì?</i> HS đọc SGK suy nghĩ trả lời để thấy được những biến đổi to lớn của TQ trên các mặt: - Kinh tế: - Đời sống nhân dân: - Văn hoá, giáo dục: - KH-KT: GV cho HS quan sát hình 9 SGK và nhận xét, có thể cho học sinh xem tranh và giới thiệu thêm về sự kiện TQ phóng thành công tàu “Thần Châu 5” vào vũ trụ.GV: <i>Đường lối đối ngoại của Trung Quốc có gì khác so với hai giai đoạn trước?</i> HS: Suy nghĩ trả lời, GV bổ sung và kết luận. -GV: Liên hệ sự kiện TQ phóng tàu vũ trụ Thần Châu 10, tàu Thiên Cung, Hằng Nga. GV hướng dẫn HS xem câu Nam Phổ (Thượng Hải) và rút ra nhận xét...Kết thúc bài - Vài nét về CSDN TQ về Biển Đông. Thất bại tại vụ Kiện của Philipin với TQ. Ngày 2/7/2016, Tòa án quốc tế phán quyết phần thắng thuộc về Philipin và những luận điệu của TQ là vô căn cứ, mở ra giai đoạn ĐT có lợi cho VN...	II. Trung Quốc 1. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959) a. Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa - Ngày 1-10-1949, nước CHND Trung Hoa ra đời - Ý nghĩa: + Chấm dứt hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc, xoá bỏ tàn dư pk. + Đưa TH bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do và tiến lên CNXH + CM TQ đã ảnh hưởng sâu sắc tới pt gpdt thế giới b. Trung Hoa thành tựu mười năm đầu xây dựng chế độ mới (1949-1959) (HS tự đọc) 2. Trung Quốc những năm không ổn định(1959-1978) (HS tự đọc) 3. Công cuộc cải cách và mở cửa (từ năm 1978) * Đường lối mới: - Tháng 12, TƯ Đảng CSTQ đề ra Đường lối cải cách K.tế-XH, do Đặng Tiểu Bình đề xướng. - Nội dung căn bản của đường lối cải cách là: <i>Lấy phát triển kinh tế làm trung tâm, tiến hành cải cách và mở cửa, chuyển sang nền kinh tế thị trường XHCN, xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nước giàu mạnh, dân chủ, văn minh.</i> * Thành tựu: Sau 20 năm (1979-1998) đất nước TQ đã có những biến đổi quan trọng: - GDP tăng TB hàng năm 8%, năm 2000 GDP đạt 1080 tỉ USD, đời sống ND được cải thiện rõ rệt. - Cơ cấu kinh tế thay đổi từ 1 nước NN -> CN (CNXD:51%, D.vụ: 33%, NN: 16%) năm 2000. - KH-KT, văn hoá, giáo dục: Có nhiều thành tựu nổi bật: Từ 11/1999-3/2003, phóng 4 tàu ThầnChâu, 15/10/2003, phóng Thần Châu 5 do Dương Lợi Vĩ bay vào ko gian -> Qgia thứ 3 chinh phục vũ trụ (sau Nga, Mỹ) - Đối ngoại: Có nhiều thay đổi, vai trò và địa vị quốc tế được nâng cao

--	--

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

3. Hoạt động luyện tập:

Câu 1. Những biến đổi của khu vực Đông Bắc Á sau CTTG II?

Câu 2. Sự thành lập nước CHND Trung Hoa và ý nghĩa của sự kiện này?

Câu 3. Thời điểm, đường lối cải cách và những biến đổi của Trung quốc trong 20 năm cải cách-mở cửa?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

Câu 1. Hãy cho biết vị trí của VN trong Asean.

-Liên hệ về công cuộc đổi mới của Việt Nam 12-1986?

- Ý nghĩa của công cuộc đổi mới của TQ đối với vị thế của Trung Quốc hiện nay?

- Tìm đọc một số tác phẩm văn học nói lên tình hữu nghị VN -Trung Quốc.

Tiết: 5- 6

Bài 4:

CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á VÀ ẤN ĐỘ

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Những nét lớn về quá trình giành độc lập của các quốc gia Đông Nam Á, những mốc chính của tiến trình cách mạng Lào và Campuchia
- Những giai đoạn phát triển và thành tựu xây dựng đất nước của các quốc gia Đông Nam Á
- Hoàn cảnh ra đời, mục tiêu và các giai đoạn phát triển của ASEAN
- Những nét lớn về cuộc đấu tranh giành độc lập và thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Ấn Độ

2. Kỹ năng

Rèn luyện kỹ năng khái quát, tổng hợp, so sánh các sự kiện, sử dụng lược đồ...

3. Thái độ

- Nhận thức được tính tất yếu của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ; sự xuất hiện các quốc gia độc lập ở Đông Nam Á
- Những nét tương đồng và đa dạng trong sự phát triển đất nước; đánh giá cao những thành tựu xây dựng đất nước của ND Đông Nam Á .

4. Hoạt động hướng tới:

- Nhận thức được tính tất yếu của sự hợp tác phát triển giữa các nước ASEAN, VN là thành viên không thể tách rời trong khu vực ĐNÁ.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Cá nhân	I.Các nước Đông Nam Á

-GV: Sử dụng kiến thức liên môn: giới thiệu <i>Khái quát về KV Đông Nam á về: dân số, diện tích, ĐKTN, văn hoá...</i> GV hỏi: như vậy tình hình ĐNA, trước, trong, sau CTTG thứ 2 như thế nào? -HS dựa vào SGK suy nghĩ trả lời; GV bổ sung, nhận xét và kết luận. Chuyển mục.	1. Sự thành lập các quốc gia độc lập sau chiến tranh thế giới thứ hai a.Vài nét chung về quá trình đấu tranh giành độc lập - <i>Trước chiến tranh:</i> Là thuộc địa của các đế quốc Âu- Mỹ(trừ Thái Lan) - <i>Trong chiến tranh:</i> Thuộc địa của Nhật Bản - <i>Sau chiến tranh:</i> Nhiều nước đã giành được độc lập(Indônêxia, VN, Lào) hoặc đã giải phóng phần lớn lãnh thổ(Miến Điện, Mã Lai, Philippin) - Tiếp đó, nhân dân Đông Nam Á tiến hành kháng chiến chống thực dân Âu- Mỹ quay trở lại xâm lược và đều giành thắng lợi. - Hầu hết, các nước đều gia nhập tổ chức Hiệp hội các nước ĐNA (ASEAN).																		
*Hoạt động 2: Cả lớp GV: Cho HS lập bảng thống kê các giai đoạn của Lào và CPC	b.Lào và Campuchia(1945- 1975) <table><tr><th>Thời gian</th><th>Lào</th><th>CPC</th></tr><tr><td>1945- 1954</td><td colspan="2">Kc chống Pháp</td></tr><tr><td>1954- 1970</td><td>Kc chống Mĩ</td><td>Hoà bình trung lập</td></tr><tr><td>1970- 1975</td><td colspan="2">Kc chống Mĩ</td></tr><tr><td>1975- 1979</td><td>Độc lập, thống nhất,</td><td>Chống Khơme đỏ</td></tr><tr><td>1979- 1991</td><td>xây dựng đất nước</td><td>Nội chiến</td></tr></table>	Thời gian	Lào	CPC	1945- 1954	Kc chống Pháp		1954- 1970	Kc chống Mĩ	Hoà bình trung lập	1970- 1975	Kc chống Mĩ		1975- 1979	Độc lập, thống nhất,	Chống Khơme đỏ	1979- 1991	xây dựng đất nước	Nội chiến
Thời gian	Lào	CPC																	
1945- 1954	Kc chống Pháp																		
1954- 1970	Kc chống Mĩ	Hoà bình trung lập																	
1970- 1975	Kc chống Mĩ																		
1975- 1979	Độc lập, thống nhất,	Chống Khơme đỏ																	
1979- 1991	xây dựng đất nước	Nội chiến																	
	2. Quá trình xây dựng và phát triển của các nước Đông Nam Á a. Nhóm năm nước sáng lập ASEAN (HS tự đọc) b. Nhóm các nước Đông Dương: (HS tự đọc) c. Các nước khác ở Đông Nam Á (HS tự đọc)																		

TIẾT 6

- Đánh giá cao những thành tựu xây dựng đất nước của ND Ấn Độ, một quốc gia có vị trí quan trọng trong KV châu á. Mối quan hệ VN với Ấn Độ tầm nhìn và phát triển.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai
- Bảng thống kê các giai đoạn phát triển của CM Lào và Campuchia

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Xác định vị trí các quốc gia Đông Nam Á trên lược đồ khu vực Đông Nam Á sau CTTG

II

- Tìm hiểu mối quan hệ giữa 3 nước Đông Dương trong lịch sử

III- PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống :

a. *Mục đích:* tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng tiếp thu bài học về tình hình các nước ĐNÁ và Ấn Độ sau CTTG thứ 2-1945.

b. *Phương pháp:* GV cho HS xem một đoạn phim về Đại Hội thể thao ĐNÁ(seagame), sau đó hỏi HS qua đoạn phim các em có cảm nhận và suy nghĩ gì?

-HS suy nghĩ trả lời, các em khác bổ sung...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Sau khi HS trả lời xong GV bổ sung và chốt đồng thời chuyển vào nội dung bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở khu vực Đông Nam Á có sự thay đổi sâu sắc. Để hiểu thêm về quá trình giành độc lập, những thành tựu trong công cuộc xây dựng đất nước...chúng ta cùng tìm hiểu

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Hoạt động nhóm GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ - chuẩn bị thời gian 4 phút. - Nhóm 1: <i>Hoàn cảnh ra đời của tổ chức ASEAN?</i> - Nhóm 2: <i>Sự thành lập và mục tiêu của ASEAN?</i> - Nhóm 3: <i>Quá trình phát triển của ASEAN?</i> - Nhóm 4: <i>Hoạt động của ASEAN?</i> HS thảo luận, cử đại diện nhóm trình bày. GV bổ sung, chốt ý Các nước gia nhập ASEAN 1984: Brunây, 1995: Việt Nam, 1997: Lào và Mianma, 1999: Campuchia gia nhập GV: <i>Nội dung chính của hiệp ước Bali?</i> HS : Đọc SGK trả lời, GV hỏi tiếp: <i>Vì sao hiệp ước Bali được coi là bước phát triển của ASEAN?</i>	I/3. Sự ra đời và phát triển của tổ chức ASEAN <i>* Hoàn cảnh ra đời:</i> - Sau khi giành độc lập, đất nước gặp nhiều khó khăn cần có sự hợp tác giúp đỡ nhau phát triển - Hạn chế ảnh hưởng của các cường quốc bên ngoài đối với khu vực - Xu thế xuất hiện các tổ chức khu vực trên thế giới như EU <i>* Sự thành lập:</i> - 8- 8- 1967, Hiệp hội các nước ĐNÁ (ASEAN) được thành lập tại Băng Cốc (Thái Lan) với sự tham gia 5 nước: Indônêxia, Malaixia, Xingapo, Thái Lan, Philippin <i>* Mục tiêu:</i> Hợp tác giữa các nước thành viên nhằm phát triển kinh tế, văn hoá trên tinh thần duy trì hoà bình và ổn định khu vực <i>* Những thành tựu chính:</i> - 1967- 1975: Còn non trẻ, chưa có vị trí trên trường quốc tế - 2/1976, kí hiệp ước thân thiện và hợp tác ở ĐNÁ (Hiệp ước Bali), nhằm xác định những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa các nước. - Giải quyết vấn đề CPC bằng các giải pháp chính trị, nhờ đó quan hệ giữa 3 nước ĐĐ và Ase an được cải

GV gợi ý, HS trả lời – HS ko trả lời được GV trả lời và giải thích thêm.	thiện 11- 2007 các nước thành viên đã ký bản hiến chương ASEAN nhằm xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh
*Hoạt động 2: cá nhân GV sử dụng kiến thức liên môn: dung lược đồ các nước Đông Nam Á để giới thiệu vài nét về khu vực, tập trung vào Ấn Độ: GV: Hãy cho biết nét chung về: Ấn Độ HS: Tổng DT: 3.287.590 km², DT đất: 2.973.190 km²; DS: 1.065.070.607 (2004). Cộng hòa Ấn Độ: ở Nam Á sau đó nêu câu hỏi: <i>Những sự kiện nào chứng tỏ phong trào đấu tranh ở Ấn Độ phát triển mạnh mẽ?</i> HS trả lời, GV chốt ý GV: <i>Trước sự lớn mạnh của phong trào thực dân Anh đã đối phó như thế nào?</i> HS dựa vào SGK trả lời, GV giải thích thêm về hậu quả của “phương án Maobátton” và nêu vấn đề: <i>Cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân Ấn Độ đã kết thúc chưa? Tại sao?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV kết luận và chuyển ý sang phần 2 GV: <i>Những thành tựu của Ấn Độ trong công cuộc xây dựng đất nước?</i> -HS: - Về kinh tế - Về KHKT, văn hoá, giáo dục Giải thích từ: Trung lập tích cực GV: <i>Em có nhận xét gì về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, CS đó có tác động như thế nào đối với TG và KV ASEAN?</i> HS suy nghĩ trả lời, GV kết luận kết thúc bài	II. Ấn Độ: 1.Cuộc đấu tranh giành độc lập - Sau 1945, phong trào đòi ĐLDT phát triển mạnh mẽ - Thực dân Anh phải nhượng bộ, chia Ấn Độ thành hai quốc gia dựa trên cơ sở tôn giáo + Ấn Độ của người theo Ấn Độ giáo + Pakixtan của người theo Hồi giáo Hai nước này được hưởng quy chế tự trị - Đảng Quốc đại lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh... - 26/1/1950 Ấn Độ tuyên bố độc lập và thành lập nước cộng hoà 2.Công cuộc xây dựng đất nước Trong thời kỳ xây dựng đất nước Ấn Độ đạt được nhiều thành tựu - Kinh tế: + Nông nghiệp: Tiến hành cách mạng xanh trong nông nghiệp, tự túc được lương thực; 1995 xuất khẩu gạo đứng thứ ba trên thế giới + Công nghiệp: Đứng thứ 10 trên thế giới... - KHKT, văn hoá, giáo dục: Có những bước tiến nhanh chóng + Công nghệ phần mềm, công nghệ hạt nhân, công nghệ vũ trụ + 1974, thử thành công bom nguyên tử + 1975, phóng thành công vệ tinh nhân tạo - Đối ngoại: Hoà bình, trung lập; tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

3. Hoạt động luyện tập:

- Những biến đổi của khu vực Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai?
- Thông qua việc tìm hiểu về các chiến lược phát triển kinh tế cùng những thành tựu mà các nước Đông Nam Á đạt được, em có nhận xét gì về quá trình xây dựng và phát triển của các nước này?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Hoàn chỉnh bảng thống kê về các giai đoạn phát triển của cách mạng Lào (1945- 1975) và cách mạng Campuchia (1945- 1993)
- Sưu tầm tài liệu về tổ chức ASEAN và mối quan hệ giữa Việt Nam – ASEAN.

- Tìm hiểu nét chính PTĐTGPĐT và thành tựu XD đất nước của Ấn Độ sau khi giành độc lập.

- Tìm hiểu các tác phẩm văn học nói về mối quan hệ VN với các nước ĐNÁ, Ấn Độ.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC.

- Lập niên biểu quá trình phát triển của ASEAN.

- Chuẩn bị bài mới: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH

+ Tìm hiểu về cách mạng Cuba và lãnh tụ Phidên Catxtorô.

+ Tìm hiểu về chế độ phân biệt chủng tộc (APACTHAI).

Tiết 7:

Bài 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI VÀ MĨ LA TINH

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh thấy được:

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân châu Phi và khu vực Mĩ La Tinh diễn ra sôi nổi, các nước lần lượt giành và bảo vệ được nền độc lập của mình.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng đánh giá những sự kiện tiêu biểu, khái quát, tổng hợp vấn đề.

3. Thái độ:

- Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết quốc tế, ủng hộ cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi và khu vực Mĩ la tinh.

- Chia sẻ với những khó khăn mà nhân dân hai khu vực này đang phải đối mặt.

4. Năng lực hướng tới: Giúp HS thấy được ngoài châu Á, hai Khu vực châu Phi, Mĩ la tinh PTĐTGP dân tộc vẫn phát triển mạnh mẽ và đã tự giải phóng, đẩy CNTD, CNĐQ vào giai đoạn sụp đổ hàng loạt.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Lược đồ châu Phi và khu vực Mĩ la Tinh sau CTTGII.

- Một số tư liệu, tranh ảnh về hai châu lục này.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc và chuẩn bị bài ở nhà.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH BÀI HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 2 bức ảnh: Kim tự tháp (Ai Cập); Hình ảnh nhà lãnh đạo kiệt xuất Phidencaxtorô đến thăm VN.

Sau đó hỏi HS: em biết gì về 2 bức tranh đó? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* HS trả lời các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào giải phóng dân tộc và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân châu Phi và Mĩ La tinh bùng nổ và đã giành được thắng lợi;

tình hình kinh tế - xã hội ở đây cũng từng bước thay đổi nhưng còn không ít khó khăn và thách thức. Chúng ta sẽ tìm hiểu những vấn đề nêu trên trong bài 5.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân Sử dụng kiến thức liên môn: GV treo lược đồ châu Phi sau CTTGII lên bảng sau đó khái quát vài nét về châu Phi: HS: 54 quốc gia. DT: 30.3 triệu km²; DS: 800 triệu người (2000). sau đó đặt câu hỏi: <i>Tại sao sau chiến tranh thế giới thứ hai, phong trào GPDT ở châu phi phát triển mạnh?</i> HS: Đọc tìm hiểu SGK ,trả lời. GV củng cố ngắn gọn. - <i>Trình bày các giai đoạn chủ yếu trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Phi?</i> HS: Đọc tìm hiểu SGK ,trả lời. GV củng cố ngắn gọn. Ai Cập(1953), Libi(1952), Angiêri(1962), Tuynidi, Maroc, Xuđăng(1956),Gana (1957),Ghinê(1958) GV: <i>Vì sao năm 1960 gọi là năm châu Phi?</i> GV: giải thích thêm theo tài liệu tham khảo ở SGK(năm 1960 có 17 nước giành được độc lập. Cuối 1960 ở châu đã có 27 quốc gia độc lập, chiếm 1/2 diện tích và $\frac{3}{4}$ dân số châu lục...) GV:Giải thích khái niệm Apacthai và đặt câu hỏi: <i>Vì sao cuộc đấu tranh chống</i>	I.Các nước Châu Phi. 1.Vài nét về quá trình đấu tranh giành độc lập. Sau CTTGII phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi phát triển mạnh. - Những năm 50, PT diễn ra mạnh mẽ ở Bắc Phi tiêu biểu là Ai Cập (1952-1953), Li bi...sau đó lan sang các khu vực khác... - Năm 1960 được gọi là “Năm châu Phi”.17 nước giành được độc lập - Năm 1975 cách mạng Môđambích và Ănggôla thắng lợi →Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi. - Từ sau 1975: hoàn thành cuộc đấu tranh đánh đổ chủ nghĩa thực dân cũ. + 1980, Cuộc đấu tranh chống PBCT của nhân dân Rôđêdia và Tây Nam Phi giành thắng lợi và nước cộng hoà ra đời ở Dimbabuê +1990, Namibia tuyên bố độc lập +1993,Ở Nam Phi, cuộc đấu tranh chống phân biệt chủng tộc(Apacthai) giành thắng lợi, nước cộng hoà Nam phi được thành

<i>chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào phần ĐTGPD?</i> (chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi là một hình thái của chủ nghĩa thực dân...)	lập, 4/1994, bầu cử đa chủng tộc Nenxommandê la làm tổng thống. => Thắng lợi LS, đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của CNTD 2. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội (Hs tự đọc)
*Hoạt động 2: Hoạt động cá nhân GV: Treo lược đồ khu vực Mĩ La Tinh lên bảng, khái quát vài nét về khu vực này: 33 quốc gia. DT: 20.5 triệu km²; DS: 517 triệu người (2000)..., sau đó nêu câu hỏi: <i>Tình hình khu vực MLT có gì khác so với châu Á và châu Phi sau CTTG2?</i> + Thời gian giành độc lập? + Tình hình đất nước sau khi giành độc lập? HS trả lời, GV chốt ý và hỏi tiếp: <i>Tiêu biểu cho PTGPDT ở khu vực Mĩ La Tinh là nước nào?</i> GV: Cùng cố, bổ sung thêm, tạo biểu tượng về Phidencatorô. GV: <i>Phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực này có những đặc điểm gì?</i> - GV: gợi ý về hình thức ? GV: cùng cố ngắn gọn, lấy dẫn chứng từ SGK.	II.Các nước Mĩ La Tinh. 1.Vài nét về quá trình giành và bảo vệ độc lập. - Đầu TK XIX, giành độc lập từ T.Dân TBN, BDN nhưng lại bị lệ thuộc vào Mĩ. - Sau CT cuộc đấu tranh chống chế độ độc tài thân Mỹ bùng nổ và phát triển, tiêu biểu cho PTGPDT ở khu vực này là CM Cu Ba đã lật đổ chế độ độc tài Batixta, thành lập nước cộng hoà Cu Ba 1/1/1959 - Do ảnh hưởng của CM Cu ba, từ thập kỷ 60- 70, phong trào ngày càng phát triển và giành nhiều thắng lợi: Vênêxuêla, Goatêmala, Pê ru, Nicanagoa, Chilê.. - Hình thức đấu tranh khá phong phú: Bãi công của công nhân, nổi dậy của nông dân, đấu tranh nghị trường, khởi nghĩa vũ trang. - Kết quả là chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các CP dân tộc dân chủ được thành lập. 2.Tình hình phát triển kinh tế- xã hội (HS tự đọc)

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét chính phong trào GPDT ở Châu Phi, Mĩ La tinh.
- Điểm giống, khác nhau cơ bản giữa phong trào GPDT ở 2 khu vực này?
- Vì sao cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi được xếp vào phần ĐTGPD?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Liên hệ GPDT ở ở Châu Phi, Mĩ La tinh với Việt Nam?
(GV có thể gợi ý: Kháng chiến chống Pháp: là chống CNTD cũ; Kháng chiến chống Mĩ: là chống CNTD mới. có thể giải thích thêm thế nào là CNTD cũ, mới để HS dễ liên hệ).
- Hãy chỉ ra nét nổi bật của GPDT ở ở Châu Phi, Mĩ La tinh?
- Tìm hiểu:
+Về hoạt động hữu nghị của lãnh tụ Phidencatorô đối với CMVN và lãnh tụ Hồ Chí Minh. +Câu nói nổi tiếng của chủ tịch Phidencatorô đối với CMVN.
+Mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam - Cu Ba.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 6. Nước Mĩ
- Tìm hiểu các nội dung về nước Mĩ:
 - +Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ, sự kiện 11/9/2001.
 - +Mối quan hệ với Việt Nam: 1945-1994; 1995-nay.
 - +Chính đối ngoại của Mĩ hiện nay.

Tiết 8:

Chương IV

MĨ - TÂY ÂU - NHẬT BẢN (1945 - 2000)

Bài 6: NƯỚC MĨ

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1.Kiến thức:

- Giúp học sinh nắm được quá trình phát triển của nước Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 2000).
- Nhận thức được vị trí, vai trò hàng đầu của Mỹ trong đời sống quốc tế.
- Hiểu được những thành tựu cơ bản của Mỹ trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật, thể thao, văn hoá,...

2.Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp để hiểu được thực chất của các vấn đề hoặc sự kiện.

3.Thái độ: Tự hào về thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trước một đế quốc Mỹ hùng mạnh.

4. Năng lực hướng tới:

- Nhận thức khách quan và toàn diện hơn về nước Mỹ và con người Mỹ.

- Ý thức hơn về trách nhiệm của tuổi trẻ ngày nay đối với công cuộc hiện đại hoá đất nước đứng trước một nước như Mỹ.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ nước Mỹ và bản đồ thế giới.
- Tài liệu về nước Mỹ có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh:

Tìm hiểu SGK, lưu ý về những thành tựu của Mỹ từ 1945 đến nay

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về “sự kiện 11/9/2001”.



Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm: Dự kiến HS trả lời: vụ khủng bố 2 tòa tháp đôi của Mỹ ở Newyor (2 tòa tháp đôi là trung tâm thương mại thế giới đã từng là một biểu tượng của nước Mỹ...), các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Sau chiến tranh thế giới thứ II, một nước tư bản đã vươn lên địa vị cường quốc số một thế giới, rất giàu có, đầy quyền lực và tham vọng, luôn theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới - đó chính là nước Mỹ. Để hiểu thêm về nước Mỹ, hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài 6...

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Hoạt động cá nhân <i>Vận dụng kiến thức liên môn</i> GV: Treo lược đồ khu vực Mỹ La Tinh lên bảng, khái quát vài nét về nước Mỹ (hoặc mời HS trả lời: Hợp chúng quốc Mỹ (Hoa kì). Tổng DT: 9.631.418 km ² , DT đất: 9.161.923 km ² ; DS: 293.027.571 (2004). GV: chia lớp thành 4 nhóm.với thời gian 5 phút thử tự các nhóm: <i>Nhóm 1: Tìm hiểu về tình hình kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973?</i>	I. Nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973. 1. Về kinh tế: - Sau chiến tranh thế giới thứ II, kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ. + Sản lượng công nghiệp chiếm hơn 1/2 sản lượng công nghiệp toàn TG + 1949: Sản lượng nông nghiệp bằng 2 lần sản lượng của các nước Anh, Pháp, CHLB Đức, Italia, Nhật cộng lại. + Năm trên 50% tàu bè đi lại trên biển.

<i>Nhóm 2: Tìm hiểu về nguyên nhân của những thành tựu kinh tế Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu về tình hình KHKT của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> <i>Nhóm 4: Tìm hiểu về CS đối ngoại của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> Mời các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung. Sau đó GV bổ sung và chốt. Chuyển sang giai đoạn từ 1973 đến 1991 Nhóm 1: - Sau khi HS trả lời, GV yêu cầu HS nhận xét về sự phát triển của kinh tế Mỹ - GV nhận xét - kết luận: Kinh tế Mỹ phát triển ở mọi lĩnh vực, Mỹ trở thành nước giàu mạnh nhất TG Nhóm 2: HS + Nguyên nhân khách quan? + Nguyên nhân chủ quan? (Buôn bán vũ khí thu 114 tỉ USD lợi nhuận chiếm hơn 50% tổng lợi nhuận) Giáo viên kết luận: Sau chiến tranh, Mỹ hội tụ đủ mọi thuận lợi để phát triển kinh tế. Nhóm 3: - GV yêu cầu học sinh theo dõi SGK và nêu câu hỏi: <i>Mỹ đạt được những thành tựu khoa học- kỹ thuật gì? Nó có tác dụng như thế nào đến nước Mỹ?</i> HS: (kinh tế, xã hội,...) * GV kết luận và liên hệ (hiện nay Mỹ có những cửa hàng ăn miễn phí cho những người thất nghiệp) Nhóm 4: <i>CS đối ngoại của Mỹ từ năm 1945 đến năm 1973?</i> HS: <i>Mục tiêu của chiến lược toàn cầu?</i> GV hỏi thêm: <i>Trong quá trình thực hiện chiến lược toàn cầu, Mỹ đã vấp phải khó khăn, thất bại gì?</i>	+ Chiếm 3/4 dự trữ vàng của thế giới. + Kinh tế Mỹ chiếm tới gần 40% tổng sản phẩm kinh tế thế giới. => Mỹ trở thành trung tâm kinh tế tài chính lớn nhất thế giới. * Nguyên nhân của sự phát triển: + Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhân công dồi dào... + Mỹ lợi dụng chiến tranh để làm giàu, thu lợi từ buôn bán vũ khí. + Ứng dụng thành tựu KHKT hiện đại vào sản xuất tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm,... + Tập trung sản xuất và tư bản cao... + Do chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước. 2. Về khoa học kỹ thuật: - Mỹ là nước khởi đầu cuộc cách mạng KH-KT lần thứ 2 và đạt được nhiều thành tựu lớn. - Đi đầu trong các lĩnh vực: Chế tạo công cụ sản xuất mới, vật liệu mới, năng lượng mới, chinh phục vũ trụ và đi đầu cuộc "CM xanh" trong nông nghiệp. => Kinh tế phát triển nhanh, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân 3. Về chính trị - xã hội (ko dạy) 4. Chính sách đối ngoại: - Thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm bá chủ TG * Mục tiêu: + Ngăn chặn đẩy lùi và tiến tới tiêu diệt CNXH. + Đàn áp phong trào GPD, PTCN và cộng sản quốc tế; phong trào hoà bình, dân chủ thế giới + Không ché, chi phối các nước đồng minh. - Mỹ đã vấp phải nhiều khó khăn, thất bại: Các phong trào đấu tranh ở ngay trong nước
--	---

- HS: Trả lời câu hỏi, nêu ví dụ để chứng minh. - Giáo viên chốt ý chuyển mục.	Mỹ, nặng nề nhất là thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược VN
*Hoạt động 2: Hoạt động cá nhân - GV: Cho biết tình hình kinh tế Mỹ từ 1973- 1991? - Chính sách đối ngoại của Mỹ thời kỳ này có gì thay đổi? Tại sao? - HS trả lời, GV bổ sung và chốt ý. Nếu có thời gian GV có thể mở rộng về chính sách đối ngoại của Mỹ. GV: Em biết gì về nước Mỹ trong giai đoạn này với 2 nhiệm kỳ của Tổng thống B.Clinton (1993 – 2001?) - Về kinh tế? - Về khoa học - kỹ thuật? - Về đối ngoại? - Quan hệ Việt- Mỹ? - Nhận xét về chiến lược “ Cam kết và mở rộng” ? - Tháng 2- 1994 B.Clinton tuyên bố bãi bỏ cấm vận buôn bán với VN và đề nghị hai nước trao đổi cơ quan đại diện - Tháng 11- 2000 B.Clinton đến Hà Nội, đây là chuyến thăm VN đầu tiên của tổng thống Mỹ	II. Nước Mỹ từ 1973 đến 1991 1. Kinh tế: - 1973 - 1982: Kinh tế khủng hoảng suy thoái. - Từ 1983 kinh tế bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại song không bằng trước 2. Đối ngoại: Có nhiều thay đổi - Sau thất bại Việt Nam vẫn tiếp tục chiến lược toàn cầu, đối đầu với LX. - 12- 1989 Mỹ - Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh, mở đầu thời kỳ mới trong quan hệ quốc tế III. Nước Mỹ từ 1991 - 2000: 1. Kinh tế: - Tuy có khó khăn nhưng kinh tế vẫn đứng đầu thế giới 2. Khoa học - kỹ thuật: Tiếp tục phát triển (chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế toàn thế giới). 3. Đối ngoại: - Thập kỷ 90, B. Clinton đưa ra chiến lược “Cam kết và mở rộng” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác - Sau khi trật tự hai cực Ianta tan rã, Mỹ tìm cách vươn lên chi phối, lãnh đạo toàn thế giới, thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” nhưng còn gặp nhiều khó khăn - Tháng 7- 1995 bình thường hoá quan hệ ngoại giao với VN

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét nổi bật về kinh tế Mỹ sau CTTG2, đặc biệt là giai đoạn 1945-1973.
- Chính sách đối ngoại của Mỹ sau CTTG2? Chú ý chiến lược toàn cầu: mục tiêu và giải pháp.
- Vì sao trước CTTG2 KHKH là ở Tây Âu, nhưng sau CTTG 2 KHKH là ở nước Mỹ?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ sau CTTG2?
- Vì sao sau CTTG 2 Mỹ đề ra chiến lược toàn cầu? chiến lược toàn cầu có ảnh hưởng đến VN như thế nào?
- Vì sao tháng 7- 1995, Mỹ thực hiện bình thường hoá quan hệ ngoại giao với VN? VN có cơ hội và thách thức gì qua sự kiện này?
- Tìm hiểu:
 - +Mối quan hệ VN-Mỹ từ 1995-nay.
 - +Từ 1995-nay, có những tổng thống nào đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 7. Tây Âu

- Tìm hiểu các nội dung về Tây Âu
- : + Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ
- + Mối quan hệ với Việt Nam- Tây Âu, Liên minh châu Âu (EU).

Tiết 9.

Bài 7. TÂY ÂU

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh hiểu và trình bày được tình hình phát triển về kinh tế, đối ngoại, của các nước Tây Âu từ 1945- 2000, liên minh châu Âu (EU) từ 1957-2000.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, nhất là kỹ năng tư duy có tính khái quát xem xét các vấn đề của khu vực.

3. Thái độ: Hiểu rõ mối quan hệ Âu - Á trong lịch sử (Từng là những nước thực dân và những nước thuộc địa) và trong hiện nay (đối tác cùng phát triển).

4. Năng lực hướng tới: Hiểu được Tây Âu là KV kinh tế quan trọng với Liên minh Châu Âu (EU) là điểm đến quan trọng của VN trong tương lai: Hội nhập phát triển kinh tế, giáo dục, chuyển giao công nghệ...

II- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ thế giới "Chiến tranh lạnh" hoặc bản đồ Châu Âu.
- Hệ thống câu hỏi, bài tập - Phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Hoàn thành bài tập trong tiết 8 mà giáo viên đã đưa ra.

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về “Liên Xô tiến vào Beclin (Đức) tiêu diệt CNPX”. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Dự kiến HS trả lời: cuộc tiến công giải phóng Béc lin của Hồng quân Liên Xô trong chiến tranh TG thứ 2/1945...), các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Sau CTTG II dù không được như Mỹ, nhưng các nước Tây Âu đã có những bước tiến dài trong sự phát triển kinh tế, vươn lên trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế - Tài chính lớn của thế giới, đồng thời có sự thay đổi lớn trong đường lối đối ngoại theo những hướng khác nhau ? Để hiểu được những nét chính ấy của Tây Âu trong giai đoạn 1945-1973, chúng ta cùng tìm hiểu bài 7 - Tây Âu.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Cả lớp và cá nhân - Yêu cầu 1 học sinh quan sát bản đồ, chỉ rõ vị trí các nước Tây Âu. Phân biệt 2 thuật ngữ "Đông Âu và "Tây Âu" -GV: Treo bản đồ châu Âu: chỉ các nước TA: CHLB Đức(Tây Đức), Anh, Pháp, Italia, Hà Lan, Phần Lan.... - Cả lớp theo dõi, nhận xét - Giáo viên chốt lại - GV: <i>Trình bày khái quát về tình hình kinh tế ở Tây Âu sau CTTG2 (1945-1950) ?</i> (Huy động nội lực trong nước đồng thời dựa vào viện trợ của Mỹ qua "kế hoạch MácSan") -GV: <i>Thực chất của " Kế hoạch MácSan" mà Mỹ tiến hành là gì ?</i> - Cả lớp theo dõi, suy nghĩ trả lời- giáo viên bổ sung kết luận (thực hiện chiến lược toàn cầu...). chuyển mục -GV: <i>Trong giai đoạn 1945-1950 các nước Tây Âu đã thi hành đường lối đối</i>	I. Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1950 1. Kinh tế: - Bị chiến tranh tàn phá nặng nề - Dựa vào viện trợ của Mỹ qua "kế hoạch MácSan" - 1950 kinh tế cơ bản được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh. 2. Chính trị - xã hội (ko dạy) 3. Đối ngoại: - Ngày càng lệ thuộc vào Mỹ, liên minh chặt chẽ với Mỹ

<i>ngoại ra sao ? Phân tích vì sao Tây Âu lại theo đuổi đường lối đối ngoại ấy ?</i> - GV: Vì sau CTTG 2 - Tây Âu suy yếu, phải nhận viện trợ của Mỹ -HS:- Các nước Tây Âu lo ngại ảnh hưởng to lớn của Liên Xô và các nước DCND Đông Âu đối với tình hình trong nước nên đã dựa vào thế lực của Mỹ. - Liên hệ quá trình Pháp quay trở lại tái chiếm Đông Dương, Anh xâm chiếm Miến Điện, Mã Lai... -GV: <i>Em hãy cho biết kết quả chung về kinh tế, đối ngoại của Tây Âu từ 1945-1950 ?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận. Chuyển mục	- Tìm cách tái chiếm các thuộc địa cũ => Từ 1945- 1950 các nước Tây Âu cơ bản đã ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng với khối XHCN.
* Hoạt động 2: Cá nhân -GV: <i>So với giai đoạn 1945-1950 thì giai đoạn 1950 - 1973 nền kinh tế Tây Âu có những bước phát triển như thế nào ?</i> HS: xem SGK trả lời. GV bổ sung kết luận - Đức đứng thứ 3, Anh thứ 4, Pháp thứ 5 trong thế giới tư bản. - Tây Âu đuổi kịp, vượt Mỹ về vàng, dự trữ ngoại tệ, thị trường tiêu thụ.... - Trở thành đối thủ cạnh tranh khốc liệt với Mỹ như: chiến tranh vàng (1964-1965) chiến tranh trứng, sữa (1965)... -GV: <i>Dựa vào SGK phân tích những yếu tố dẫn đến sự phát triển của kinh tế Tây Âu ?</i> Đặc biệt giáo viên phân tích về tác dụng của KTKT, chính sách mở cửa ra thị trường thế giới.... -GV trình bày tình hình chính trị của Tây Âu từ sau 1950 và nêu câu hỏi: <i>Hãy cho biết chính sách đối ngoại của Tây Âu từ 1950 trở đi và nguyên nhân của nó?</i> - Anh theo đuổi Mỹ như "Hình với bóng"	II. Tây Âu từ năm 1950 đến năm 1973. 1. Kinh tế: - Phát triển nhanh - Đầu thập kỉ 70, Tây Âu trở thành 1 trong 3 trung tâm kinh tế tài chính lớn của thế giới * Nguyên nhân phát triển + Nhờ áp dụng thành tựu của cách mạng KH-KT + Vai trò điều tiết kinh tế của nhà nước có hiệu quả. + Tận dụng tốt các cơ hội có lợi bên ngoài 2. Chính trị (ko dạy) 3. Đối ngoại: - Một số nước như: Anh, Đức, Italia tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mỹ

- CHLB Đức gia nhập khối NATO, là lực lượng xung kích của Mĩ chống Liên Xô, Đông Âu ... -Pháp rút khỏi bộ chỉ huy NATO, chống lại việc trang bị vũ khí hạt nhân cho quân đội CHLB Đức. Cùng với Thụy Điển, Phần Lan... đấu tranh đòi Mĩ chấm dứt chiến tranh xâm lược VN, mở rộng quan hệ với các nước thuộc địa cũ, Đông Âu, SNG... <i>Nguyên nhân:</i> - Vì kinh tế của một số nước có sự phát triển, thoát dần khỏi sự lệ thuộc Mĩ. - Xu thế toàn cầu hóa tác động.	- Tuy nhiên một số nước đã đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, dần dần khẳng định được ý thức độc lập, thoát khỏi sự lệ thuộc Mĩ (Pháp, Thụy Điển, Phần Lan..).
* Hoạt động 3: Cả lớp -GV: <i>Em hãy cho biết nét chính sự phát triển kinh tế của Tây Âu?</i> HS: Dựa vào SGK trả lời - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý (Năm 1992, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Pháp là 2,2 %; 1991, Anh là – 1,8% Năm 1983 số người thất nghiệp ở Italia là 2,5 triệu, chiếm 10 % lực lượng lao động; 1989, ở Tây Đức là 3 triệu người) (Anh: Người giàu chiếm chưa đầy 1% dân số nhưng nắm 50% số tư bản Đức: Người giàu chiếm 1,7 % dân số nhưng nắm 70% tư liệu sản xuất -GV: <i>Qua các sự kiện trên, hãy cho biết xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế giai đoạn này?</i> - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý (Năm 2000, mức tăng trưởng kinh tế Pháp và Anh là 3,8 %; Đức: 2,9 %; Italia: 3,0 %) -GV giải thích một số vấn đề về chính sách đối ngoại của Tây Âu cho HS hiểu - HS: lắng nghe và ghi nhớ	III. Tây Âu từ năm 1973 – 1991 1. Kinh tế: - 1973 khủng hoảng dầu mỏ →Tây Âu lâm vào suy thoái, khủng hoảng - Kinh tế gặp nhiều khó khăn: Lạm phát, thất nghiệp, cạnh tranh ... 2. Chính trị - xã hội (ko dạy) 3. Đối ngoại: - 1975, các nước Tây Âu tham gia Định ước Henxinki về an ninh và hợp .tác châu Âu. - 1989, chiến tranh lạnh kết thúc - Tháng 10- 1990, nước Đức tái thống nhất. → Xu thế hoà hoãn, giảm bớt sự căng thẳng trong quan hệ giữa các nước TBCN và XHCN ngày càng phát triển. IV.Tây Âu từ năm 1991 – 2000: 1. Kinh tế: - Phục hồi và phát triển trở lại. - Giữa thập niên 90, chỉ riêng 15 nước EU đã có tổng sản phẩm quốc dân chiếm 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp của thế giới. => Tây Âu vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới 2. Chính trị - Xã hội: (ko dạy) 3. Đối ngoại:

-GV: Chính sách đối ngoại của Tây Âu thời kì này có những nét mới gì? - HS nghiên cứu SGK trả lời, GV bổ sung khắc sâu chốt và chuyển mục	- Có nhiều thay đổi tích cực(trừ Anh). - Một số nước Châu Âu trở thành đối trọng với Mỹ (VD: Pháp, Đức). - Mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới.
*Hoạt động 4: nhóm GV: <i>chia lớp thành 3 nhóm.với thời gian 5 phút thử tự các nhóm:</i> <i>Nhóm 1: Tìm hiểu về quá trình hình thành và phát triển của LM châu Âu.</i> <i>Nhóm 2: Tìm hiểu về mục tiêu của LM châu Âu.</i> <i>Nhóm 3: Tìm hiểu về quan hệ ngoại giao Việt Nam – EU.:</i> GV bổ sung thêm một số kiến thức... (Năm 2004, EU kết nạp thêm 10 nước →25 nước. Năm 2007, thêm 2 nước→27 nước) Sự kiện: nước Anh năm: 2016 trưng cầu dân ý rút khỏi LM châu Âu (EU); TL: Rời EU: 51.89%, ở lại: 48.11%. GV: Chốt -Như vậy, đến cuối thập kỉ 90, EU trở thành tổ chức liên kết KT- CT lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới. GV: có thể bổ sung những mặt hàng VN là thế mạnh ở thị trường EU: hàng dệt may, tôm đông lạnh, trái cây...	V. Liên minh châu Âu(EU): 1.Quá trình hình thành và phát triển: - 1951: Sáu nước Tây Âu: Pháp, CHLB Đức, Bỉ, Italia, Hà Lan, Lúcxămbua thành lập “Cộng đồng than-thép châu Âu” - 1957: Ký hiệp ước Rôma→Thành lập “Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu” và “Cộng đồng kinh tế châu Âu” - 1- 7- 1967, ba tổ chức này hợp nhất thành Cộng đồng châu Âu (EC) ra đời - 1- 1- 1993: đổi tên thành Liên minh châu Âu (EU). Năm 2007: 27 nước. 2. Mục tiêu: - Hợp tác, liên minh giữa các nước thành viên trong các lĩnh vực: kinh tế, tiền tệ, chính trị, đối ngoại, và an ninh chung →tiến tới xây dựng một châu Âu không biên giới. - Tổ chức KV lớn nhất hành tinh chiếm ¼ GDP thế giới - 6/1979: Bầu cử Nghị viện châu Âu đầu tiên. - 1- 1- 1999: phát hành đồng tiền chung châu Âu (EURO). - 1- 1- 2002: Đồng EURO chính thức được sử dụng ở nhiều nước EU. => Mở ra cơ hội phát triển mới cho các thành viên của EU. 3.Cơ cấu tổ chức: Gồm 5 cơ quan chính(SGK) 4.Quan hệ ngoại giao Việt Nam – EU: - 1990, quan hệ Việt Nam – EU chính thức được thiết lập -> thúc đẩy quan hệ hợp tác cùng phát triển.

3. Hoạt động luyện tập:

- Nêu nét nổi bật về kinh tế Tây Âu sau CTTG2, Kế hoạch Mácsan có ý nghĩa như thế nào đến sự phục hồi Tây Âu sau CTTG2?
- Chính sách đối ngoại của Tây Âu sau CTTG2? Chú ý khối quân sự Nato (Liên minh quân sự của Mỹ-Tây Âu).

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế Tây Âu phát triển mạnh mẽ từ sau CTTG2?

- Vì sao đến cuối thập kỉ 90, EU trở thành tổ chức liên kết KT- CT lớn nhất hành tinh, chiếm hơn 1/4 GDP của thế giới.

- Vì sao nói: Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới nửa sau thế kỷ XX ?

- Tìm hiểu:

+Mối quan hệ VN-EU từ 1990-nay.

+Từ 1990-nay, có những nhà lãnh đạo cấp cao nào đã đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ, chuẩn bị bài mới Bài 8. Nhật Bản

- Tìm hiểu các nội dung về Nhật Bản

: + Diện tích, dân số, tổng số bang, đặc khu kinh tế, con người lãnh thổ

+ Mối quan hệ với Việt Nam- Nhật Bản

Tiết 10.

Bài 8: NHẬT BẢN

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I- MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Nhận thức được quá trình phát triển của Nhật Bản từ sau CTTG thứ hai.

- Trình bày được vai trò kinh tế quan trọng của Nhật Bản(là một trung tâm kinh tế- tài chính, khoa học- kỹ thuật) trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á

- Lý giải được sự phát triển “thần kỳ” của Nhật Bản

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhất là đi sâu tìm hiểu thực chất của một số vấn đề quan trọng

3.Thái độ:

- Cảm phục ý chí và nghị lực của người dân Nhật Bản trong công cuộc tái thiết đất nước, XD và phát triển kinh tế...

4. Năng lực hướng tới:

- Làm cho HS thấy được quan hệ giữa nước ta với Nhật Bản đã bước sang một thời kỳ mới với những tầm cao mới. Ngày nay Nhật Bản đã trở thành một đối tác chiến lược trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của nước ta.

II- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Bản đồ nước Nhật hoặc bản đồ châu Á
- Tranh, ảnh, tài liệu có liên quan

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, tranh ảnh những thành tựu kinh tế của Nhật....

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim hoặc 1 hình ảnh về việc: Mỹ thả bom nguyên tử xuống NB tháng 8/1945. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim (hình ảnh) trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:* Dự kiến HS trả lời: bom hạt nhân do Mỹ thả xuống NB 8/1945..., các em khác bổ sung, GV bổ sung chốt và giới thiệu vào bài mới:

Ngoài hai trung tâm của CNTB là Mỹ và Tây Âu. Ở châu Á có một nước được xếp vào một trong ba trung tâm kinh tế thế giới, đó là nước nào? Nước đó đã tiến những bước “thần kỳ” và trở thành một siêu cường kinh tế ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 8: Nhật Bản

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Cá nhân - GV sử dụng bản đồ giới thiệu đôi nét về đất nước và con người Nhật Bản, sau đó đặt câu hỏi: <i>Em hãy cho biết Nhật Bản bước ra khỏi CTTG thứ hai trong tình trạng như thế nào?</i> - HS dựa vào SGK trả lời, GV nhận xét, bổ sung và so sánh với nước Mỹ - GV tiếp tục cung cấp kiến thức: Sau chiến tranh, tuy chính phủ Nhật vẫn được phép tồn tại và hoạt động, nhưng mọi hoạt động của chính phủ Nhật đều nằm dưới sự chỉ huy và giám sát của lực lượng Đồng minh. Từ 1945- 1952 Nhật Bản đã tiến hành một loạt cải cách nhằm khôi phục và phát triển đất nước.	I. Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1952 1. Hoàn cảnh lịch sử - Là nước bại trận, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh + Khoảng 3 triệu người chết và mất tích + Cơ sở vật chất bị phá hủy trầm trọng + Thảm họa thất nghiệp, đói rét đe dọa... - Bị quân đội Mỹ chiếm đóng 2. Công cuộc phục hồi đất nước * Chính trị (Ko dạy) * Kinh tế: - Thực hiện ba cuộc cải cách dân chủ

-GV: <i>qua những cải cách trên NB có bước phục hồi kinh tế như thế nào?</i> -HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. -GV: trên cơ sở đó, CS đối ngoại của Nhật có điểm gì mới so với trước CT? -HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. Chuyển mục <i>GV: Những cải cách kinh tế của Nhật sau chiến tranh và kết quả?</i> HS trả lời, GV bổ sung và nêu vấn đề: <i>Em có nhận xét gì về các chính sách và biện pháp, kinh tế của Mỹ đối với Nhật?</i> HS: suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, chốt: Nhìn chung là tích cực, khoan hồng. Mỹ không trực trị mà thông qua chính quyền Nhật Bản, đã thực hiện một loạt cải cách chính trị, kinh tế có lợi cho Nhật, tạo nên một luồng không khí mới trong xã hội Nhật Bản - GV: <i>Chính sách đối ngoại của Nhật và biểu hiện của chính sách đó?</i> HS: nghiên cứu SGK trả lời. GV bổ sung kết luận. - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận và chuyển ý: Sau khi phục hồi được nền kinh tế, từ 1952 Nhật Bản bước vào thời kỳ phát triển nhảy vọt, nhất là từ 1952- 1973	+ Thủ tiêu chế độ tập trung kinh tế: Giải tán các “Daibatxư” + Cải cách ruộng đất + Dân chủ hoá lao động - Từ 1950- 1951, kinh tế Nhật được phục hồi, đạt mức trước chiến tranh 3. Chính sách đối ngoại: - Liên minh chặt chẽ với Mỹ - 1951, ký hiệp ước hoà bình Xanphranxixcô và hiệp ước an ninh Mỹ- Nhật → <i>Nhật đứng dưới “chiếc ô” bảo hộ hạt nhân của Mỹ</i>
*Hoạt động 2: tập thể, cá nhân GV yêu cầu HS đọc SGK và tra lời câu hỏi: <i>Những biểu hiện của sự phát triển kinh tế Nhật Bản?</i> HS trả lời, GV bổ sung một vài số liệu - Tổng thu nhập quốc dân + 1950 đạt 20 tỉ USD, bằng 1/17 Mỹ + 1968 đạt 183 tỉ USD, bằng 1/4 Mỹ	II. Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973 * Kinh tế: Phát triển nhanh → “thần kỳ” - Từ 1960- 1969, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 10,8 % - Từ 1970- 1973 tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 7,8 %

- Từ 1950- 1971, xuất khẩu tăng 30 lần, nhập khẩu tăng 21 lần - Từ 1950- 1960 tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân hàng năm của Nhật gấp 6 lần của Mỹ GV dẫn dắt: Từ trong hoang tàn đổ nát sau chiến tranh, chỉ sau vài ba thập kỷ, Nhật đã vươn lên thành một siêu cường kinh tế. Vậy: <i>Những nhân tố nào thúc đẩy kinh tế Nhật phát triển như vậy?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận GV: <i>Hạn chế của nền kinh tế Nhật Bản?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận GV: <i>Cho biết biện pháp và xu hướng phát triển KH- KT Nhật Bản?</i> - HS suy nghĩ trả lời, GV bổ sung, kết luận GV khai thác hình 21 SGK và nhận xét về sự phát triển KH-KT Nhật Bản GV khái quát ngắn gọn chính sách đối ngoại của Nhật. chuyển mục	- Năm 1968, Nhật vươn lên đứng thứ hai thế giới TBCN (sau Mỹ) - Đầu những năm 70, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới * Nguyên nhân phát triển: - Chú trọng con người → nhân tố quyết định - Vai trò lãnh đạo, quản lý của nhà nước... - Sự năng động, nhạy bén của giới kinh doanh - Ứng dụng thành tựu KH- KT vào sản xuất - Chi phí quốc phòng thấp 1% GDP - Tận dụng tốt các yếu tố bên ngoài * Hạn chế: - Thiếu nguyên, nhiên liệu → Nhập khẩu - Sự mất cân đối trong nền kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp - Sự cạnh tranh của Mỹ, Tây Âu và các nước NICs * Khoa học- kỹ thuật: - Nhật rất coi trọng giáo dục và KH- KT - Đẩy nhanh sự phát triển bằng cách mua các bằng phát minh, sáng chế - Đi sâu vào lĩnh vực công nghiệp dân dụng * Chính trị- xã hội: (Ko dạy) * CS đối ngoại: - Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ - 1956, bình thường hoá Q/h với Liên Xô và gia nhập LHQ.
*Hoạt động 3: Cá nhân GV: <i>Tình hình phát triển kinh tế của Nhật giai đoạn 1973- 1991?</i> - HS trả lời, GV bổ sung, kết luận - Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần Mỹ, gấp 1,5 lần Tây Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới GV: <i>Chính sách đối ngoại của Nhật từ sau 1973 có điểm gì mới?</i> HS trả lời,	III. Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991 * Kinh tế: - Từ 1973, tiếp tục tăng trưởng nhưng xen kẽ suy thoái - Nửa sau những năm 80, trở thành siêu cường tài chính số một thế giới * Đối ngoại: - Tiếp tục duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ - Tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN - 21- 9- 1973, thiết lập quan hệ ngoại giao với VN IV. Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000 * Kinh tế:

GV giới thiệu thêm về học thuyết Phucuda, kaipu. GV chốt kết thúc bài	- Suy thoái, nhưng vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn của TG * Chính trị:(Ko dạy) * Đối ngoại: Coi trọng quan hệ với phương Tây, mở rộng quan hệ trên phạm vi toàn cầu, chú trọng các nước Đông Nam Á
---	--

3. Hoạt động luyện tập:

-Nguyên nhân phát triển kinh tế Nhật Bản? VN có thể học hỏi những gì từ Nhật Bản?

- Khái quát chính sách đối ngoại của Nhật trong thời kỳ chiến tranh lạnh?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Vì sao kinh tế NB phát triển mạnh mẽ từ sau CTTG2?

- Vì sao gọi là “thần kì” NB?

- Vì sao nói: NB là một trong ba trung tâm kinh tế- tài chính lớn nhất thế giới nửa sau thế kỷ XX ?

- Mối quan hệ VN-NB từ 1973-nay.

- Từ 1973-nay, có những nhà lãnh đạo cấp cao nào đã đến thăm VN?

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ và lập bảng thống kê về tình hình KT, đối ngoại của Nhật Bản trong các giai đoạn: 1945 – 1952; 1952 – 1973; 1973 – 1991; 1991 – 2000?

Thời gian	1945 – 1952	1952 - 1973	1973 – 1991	1991 - 2000
Kinh tế				
Đối ngoại				

-Chuẩn bị bài mới Bài 9. Quan hệ quốc tế trong và sau chiến tranh lạnh.

Trả lời các câu hỏi:

+ Hãy cho biết hững biểu hiện của chiến tranh lạnh?

+ Hãy cho biết trương giai đoạn chiến tranh lạnh diễn ra, có những cuộc CT cục bộ nào, những cuộc chiến tranh đó chịu sự tác động của hai phe như ra sao?

Tiết 11 - 12

Chương V:

QUAN HỆ QUỐC TẾ (1945- 2000)

Bài 9.

QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KỲ CHIẾN TRANH LẠNH

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I.MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nét chính của quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai

- Nguồn gốc của mâu thuẫn Đông- Tây và biểu hiện của sự đối đầu Đông- Tây

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, khái quát, tổng hợp

3. **Thái độ:** Phản đối mâu thuẫn giữa 2 phe, hai khối, phản đối CS của Mĩ tại VN từ 1954-1975.

4. Hoạt động hướng tới:

- Nhận thức rõ: Mặc dù hoà bình thế giới vẫn duy trì nhưng trong tình trạng chiến tranh lạnh

- Dân tộc Việt Nam đã đóng góp phần to lớn vào mục tiêu của nhân dân thế giới, đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

II- CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:

1. **Chuẩn bị của giáo viên:** Bản đồ thế giới, tư liệu về các cuộc chiến tranh, các xung đột,...do tác động của sự đối đầu Đông - Tây.

2. **Chuẩn bị của học sinh:** Đọc trước bài mới, chuẩn bị phần bài tập giáo viên cho trước.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. *Mục đích:* giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. *Phương Pháp:* GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim vĩ tuyến 38 tại Triều Tiên. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. *Dự kiến sản phẩm:*

-Dự kiến HS trả lời: khu vực phi quân sự ở Triều Tiên-Hàn quốc vĩ tuyến 38. các em khác bổ sung.

- GV: hỏi thêm: Việc Triều Tiên bị chia thành 2 nước...nói lên điều gì về quan hệ giữa Mĩ và Liên Xô?

Dự kiến HS trả lời: ... Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô -Mĩ GV bổ sung chốt và nhắc lại CS đối ngoại của Xô-Mĩ... và giới thiệu vào bài mới: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, cục diện thế giới lâm vào tình trạng chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ. Chiến tranh lạnh trở thành nhân tố chủ yếu chi phối các quan hệ quốc tế trong hơn bốn thập kỷ nửa sau thế kỷ XX. Để hiểu rõ quan hệ quốc tế trong và sau thời kỳ chiến tranh lạnh diễn biến như thế nào, chúng ta tìm hiểu chương V.

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Cá nhân - GV: Giải thích “Quan hệ quốc tế” Treo bản đồ Quan hệ quốc tế -GV: Cho HS nhắc lại khái niệm Đông Âu -Tây Âu ? -GV: Nhận xét - Sử dụng bản đồ thế giới chỉ rõ hai khối. -GV: Sau chiến tranh thế giới thứ hai, quan hệ quốc tế có gì thay đổi?	I.Mâu thuẫn Đông - Tây và sự khởi đầu của chiến tranh lạnh. -Sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ liên minh chống phát xít, Mỹ- Liên Xô nhanh chóng chuyển sang đối đầu => mâu thuẫn Đông - Tây.

-HS: trả lời câu hỏi -GV: giải thích ,bổ sung Từ Mỹ- Liên Xô,mở rộng => mâu thuẫn Đông -Tây. -GV: +<i>Mâu thuẫn Đông - Tây bắt nguồn từ đâu?</i> +<i>Mục tiêu của Liên Xô -Mỹ có gì khác nhau ?</i> -HS: trả lời câu hỏi -GV:nhận xét, bổ sung	Do: - Sự lớn mạnh của Liên Xô và các nước XHCN. - Mỹ có tham vọng và mưu đồ bá chủ thế giới. => Sự đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô -Mỹ, dẫn đến chiến tranh lạnh.
* Hoạt động 2: Cá nhân, cả lớp -GV: <i>Để vươn lên bá chủ toàn cầu Mỹ có những hoạt động gì?</i> - <i>Để đối phó với Mỹ, Liên Xô đã làm gì?</i> -HS: trả lời, GV bổ sung, chốt -Giáo viên nói thêm về hai tổ chức của Liên Xô -GV: <i>Với những hoạt động của Mỹ và Liên Xô đã dẫn đến quan hệ quốc tế như thế nào?</i> HS: Trả lời câu hỏi , GV bổ sung kết luận.	* Biểu hiện của chiến tranh lạnh: - Để chống lại Liên Xô và các nước XHCN Mỹ đã tiến hành : +1947 đề ra học thuyết Truman ->khởi đầu chính sách chống Liên Xô và chiến tranh lạnh. + 1947 thực hiện” kế hoạch Macsan” viện trợ cho Tây Âu, tạo liên minh quân sự đồng minh của Mỹ. +1949 thành lập khối NATO -> liên minh quân sự lớn nhất do Mỹ cầm đầu. - Để đối phó với Mỹ, Liên Xô đã: + 1- 1949 thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế + 5- 1955 thành lập Hiệp ước Vásva. => Cục diện thế giới " hai cực”, hai phe đã được xác lập rõ ràng. Chiến tranh lạnh bao trùm thế giới -> tạo nên sự đối lập về kinh tế, chính trị, quân sự ... giữa hai phe TBCN - XHCN
Phần II. Không dạy	II. Sự đối đầu Đông - Tây và các cuộc chiến tranh cục bộ.

Tiết 2.

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: Cá nhân Giáo viên giới thiệu về sự thay đổi trong quan hệ quốc tế vào đầu những năm 70, sau đó đặt câu hỏi: <i>Sự thay đổi này bắt nguồn từ đâu? biểu hiện của sự thay đổi đó?</i> HS trả lời, GV nhận xét và phân tích thêm	II. Xu thế hoà hoãn Đông- Tây và chiến tranh lạnh chấm dứt - Đầu những năm 70 xu hướng hoà hoãn Đông -Tây đã xuất hiện * Biểu hiện: - 9- 11- 1972, Đông Đức và Tây Đức đã ký Hiệp định về những cơ sở của quan hệ hai nước (Hiệp định Bon)

- Tại sao quan hệ giữa hai nước Đức thay đổi sẽ tác động đến quan hệ quốc tế? - Nước Đức vốn được coi là tâm điểm của mâu thuẫn Đông- Tây, sự cải thiện quan hệ giữa hai nước Đức sẽ làm cho tình hình châu Âu bớt căng thẳng - Việc 33 nước châu Âu ký Định ước Henxinki chứng tỏ hai phe đang xoá mờ dần ranh giới phân chia và từng bước hợp tác với nhau GV: Vì sao Xô- Mỹ chấm dứt chiến tranh lạnh? HS: Suy nghĩ trả lời GV: Bổ sung, chốt, chuyển mục.	1972, Liên Xô và Mỹ đã ký Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược(ABM) và Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược(SALT-1) - Tháng 8- 1975, 33 nước châu Âu cùng Mỹ, Canada ký Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu - Đầu những năm 70, hai siêu cường Xô- Mỹ đã tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao - Tháng 12- 1989, Mỹ và Liên Xô đã chính thức tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh * Nguyên nhân chấm dứt chiến tranh lạnh: - Chiến tranh lạnh làm suy giảm “thế mạnh” của Liên Xô và Mỹ - Sự cạnh tranh của Nhật Bản và Tây Âu - Liên Xô ngày càng lâm vào trì trệ, khủng hoảng...
	IV.Thế giới sau chiến tranh lạnh (Tích hợp sang phần II- Bài 11)

3. Hoạt động luyện tập:

- Thế nào là chiến tranh lạnh? biểu hiện của chiến tranh lạnh?
- Vì sao từ sau CTTG2, xô-Mĩ mâu thuẫn gây gắt?

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Việt Nam có chịu tác động của chiến tranh lạnh không? Vì sao?
- Trong các xu thế phát triển của thế giới ngày nay VN chịu tác động từ những yếu tố nào? Hãy phân tích một số điểm để thấy được vai trò của Đảng ta trong xu hướng Hội nhập quốc tế.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Đọc trước bài 10, tìm hiểu về một số thành tựu khoa học- công nghệ hiện đại và xu thế toàn cầu hóa.

Tiết 13

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 10:

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỶ XX

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu và trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, những thành tựu chủ yếu và tác động của CMKHCN thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

- Như một hệ quả tất yếu của CMKHCN, xu thế toàn cầu hoá đã diễn ra mạnh mẽ trong những năm cuối thế kỷ XX.

2. Kỹ năng: Rèn luyện phương pháp tư duy phân tích, so sánh và liên hệ thực tế

3. Thái độ: Thấy được ý chí vươn lên không ngừng và sự phát triển không có giới hạn của trí tuệ con người đã làm nên bao thành tích kỳ diệu, những tiến bộ phi thường. Tất cả nhằm phục vụ cuộc sống ngày càng cao của con người

4. Năng lực hướng tới: Thấy được trách nhiệm của tuổi trẻ VN ngày nay trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, tranh ảnh, tư liệu về thành tựu của CMKHCN

2. Chuẩn bị của học sinh: Tìm hiểu về một số thành tựu CMKHCN hiện đại.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV cho HS xem trên màn hình 1 đoạn phim nước ta phóng vệ tinh VINASAT. Sau đó hỏi HS: em biết gì đoạn phim trên? HS suy nghĩ trả lời...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: phóng vệ tinh.... các em khác bổ sung.

GV bổ sung đây là một thành tựu của CMKHCN của VN ...nói riêng thế giới nói chung:

Trong những năm gần đây, chúng ta được chứng kiến rất nhiều thành tựu về khoa học- công nghệ thế giới, chúng ta thật sự cảm phục trước những sáng tạo phi thường mà con người đã tạo ra. Để thấy được trong hơn nửa thế kỷ qua, con người đã làm được những điều kỳ diệu gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài hôm nay

2. Hoạt động hình thành kiến thức:

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
*Hoạt động 1: nhóm GV giới thiệu về cuộc cách mạng trong lĩnh vực khoa học- kỹ thuật mà loài người đã trải qua Lần 1 TK 18, sau đó GV tổ chức hoạt động nhóm: chia lớp thành 4 nhóm với 4 câu hỏi tương ứng thực hiện trong thời gian 3 phút, sau đó cử đại diện trình bày, các nhóm khác bổ sung. Cụ thể như sau: Nhóm1:	I. Cuộc cách mạng khoa học- công nghệ 1. Nguồn gốc và đặc điểm * Nguồn gốc: Xuất phát từ đòi hỏi của cuộc sống, của sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của con người * Đặc điểm:

<i>Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay nguồn gốc từ đâu? cho Ví dụ?</i> Nhóm 2: <i>Trình bày về đặc điểm của cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai ? cho Ví dụ? liên hệ với cuộc CMC nghiệp thế kỉ 18.</i> Nhóm 3: trình bày 2 giai đoạn phát triển của cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai. Giải thích rõ khái niệm “công nghệ” Nhóm 3: GV: <i>Với những thành tựu kỳ diệu nêu trên, theo em cuộc cách mạng khoa học- kỹ thuật lần hai có tác động gì đến đời sống con người?</i> - GV: bổ sung, lấy ví dụ minh họa ... - GV nhận xét, chốt.	- Đặc điểm lớn nhất là khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học gắn liền với kỹ thuật, mọi phát minh kỹ thuật đều bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học - Tốc độ phát triển nhanh, quy mô rộng lớn, đạt thành tựu kỳ diệu - Nghiên cứu khoa học → Hiệu quả kinh tế cao * Các giai đoạn phát triển: 2gđ - Từ những năm 40 - nửa đầu những năm 70: Diễn ra trên cả lĩnh vực khoa học và kỹ thuật - Từ 1973 - nay: Chủ yếu diễn ra trên lĩnh vực công nghệ 2. Những thành tựu tiêu biểu: (HS tự đọc)
*Hoạt động 2: Cá nhân, tập thể GV giới thiệu về xu thế toàn cầu hoá và đặt câu hỏi: <i>Em hiểu thế nào là toàn cầu hoá? Những biểu hiện của nó?</i> HS trả lời, bổ sung, lấy ví dụ minh họa ... GV nhận xét.	II. Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó: - Từ đầu những năm 80, nhất là từ sau chiến tranh lạnh, xu thế toàn cầu hoá xuất hiện - <i>Toàn cầu hoá là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới</i> * Biểu hiện: - Sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế - Sự phát triển và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia - Sự sát nhập và hợp nhất các công ty thành những tập đoàn lớn - Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực
*Hoạt động 3: Cá nhân GV: <i>Toàn cầu hoá đã tác động như thế nào đối với các quốc gia, dân tộc?</i> HS trả lời, GV nhận xét, bổ sung, lấy ví dụ minh họa. Cho HS liên hệ bản thân...	* Tác động: - Tích cực: + Mang lại sự tăng trưởng kinh tế cao + Góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế → Cần cải cách để tăng sức cạnh tranh và nâng cao hiệu quả nền kinh tế - Tiêu cực: + Gia tăng sự bất công xã hội và khoảng cách giàu- nghèo

	+ Làm cho mọi hoạt động và đời sống con người kém an toàn hơn + Nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và xâm phạm độc lập chủ quyền quốc gia → Toàn cầu hoá là xu thế tất yếu, nó vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với mỗi quốc gia, dân tộc
--	--

3. Hoạt động luyện tập:

- Trình bày: nguồn gốc, đặc điểm, thời gian bùng nổ, tác động của CMKHCN.
- Trình bày khái niệm, biểu hiện, tác động của toàn cầu. Vì sao toàn cầu hóa là một xu thế không thể đảo ngược.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Việt Nam có chịu tác động của CMKHKT và xu thế toàn cầu hóa không? Giải thích tại sao?
- Vì sao nói: Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển?
- Vì sao Đảng, chính phủ ta kiên quyết thực hiện CS mở cửa; công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước? Em hãy nhận xét về tình hình nước ta hiện nay.
- Là một HS em phải làm gì để góp phần trong công cuộc XD đất nước hiện nay.

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Chuẩn bị bài mới

BÀI 11: TỔNG KẾT LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000,

Tiết 14

BÀI 11: TỔNG KẾT

LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 2000

Môn học/Hoạt động giáo dục: Lịch sử; lớp: 12A4, 12A5

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Củng cố kiến thức đã học từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 2000
- Nhận rõ mốc phân kì hai giai đoạn trong lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1945 đến năm 2000 và những nội dung chủ yếu trong mỗi giai đoạn.

2. Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng phương pháp tư duy lôgic, phân tích, tổng hợp khái quát các sự kiện, các vấn đề liên quan diễn ra trên thế giới.

3. Thái độ:

Giáo dục ý thức bảo vệ hoà bình, ổn định, hợp tác phát triển thế giới.

4. Năng lực hướng tới: HS thấy được sau chiến tranh thế giới 2, có những thay đổi đáng kể: về QHQT, CMKH-CN, ...có nhận thức đúng đắn trong công cuộc xây dựng bảo vệ tổ quốc hiện nay.

II- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Giáo án, tranh ảnh, tư liệu về thành tựu của CMKH-CN

2. Chuẩn bị của học sinh: Tìm hiểu về một số thành tựu CMKH-CN hiện đại.

III- PHƯƠNG TIỆN, PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT DẠY HỌC:

Thuyết trình, phát vấn, hoạt động nhóm...

IV- TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động tạo tình huống:

a. Mục đích: giúp HS huy động vốn kiến thức và kỹ năng đã có để chuẩn bị tiếp nhận kiến thức và kỹ năng mới, còn nhằm tạo ra hứng thú và một tâm thế tích cực để HS bước vào bài học mới.

b. Phương Pháp: GV đặt câu hỏi tái hiện: Theo em LSTG 1945-2000 có những nội dung nào cần quan tâm? HS suy nghĩ trả lời... Một số nội dung...

c. Dự kiến sản phẩm:

- Dự kiến HS trả lời: thế giới chia thành 2 phe TBCN, XHCN..., PTĐTGPĐ tộc phát triển mạnh mẽ...; GV cho các HS khác bổ sung sau đó GV bổ sung

Chiến tranh thế giới thế hai kết thúc đã mở ra một giai đoạn mới của Lịch sử thế giới hiện đại. Chúng ta biết rằng trong lịch sử thế giới, hiếm có giai đoạn nào như giai đoạn nửa sau thế kỉ XX mà loài người đã trải qua. Chỉ trong vòng nửa thế kỉ, tình hình thế giới đã thật sôi động với bao diễn biến dồn dập, đem lại những thay đổi to lớn và cả những đảo lộn đầy bất ngờ. Vậy để hiểu rõ hơn những vấn đề đó hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu bài 11...

MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC	GỢI Ý SẢN PHẨM
- GV giới thiệu: LSTGHĐ từ 1945-2000, do đã kéo dài thêm về thời gian, có nhiều vấn đề, sự kiện hơn nên có thể chia thành 2 giai đoạn (1945-1991; 1991-2000).	
* Hoạt động 1: cá nhân, nhóm - GV: <i>Hãy kể tên những bài đã học trong phần lịch sử thế giới 1945-2000? Nội dung đề cập đến những vấn đề gì?</i> - HS dựa vào SGK và phần chuẩn bị bài để trả lời. - GV nhận xét, chốt ý:	I. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA LỊCH SỬ THẾ GIỚI TỪ SAU NĂM 1945. 1. Trật tự thế giới mới - Được xác lập đặc trưng nổi bật là chia thành 2 phe TBCN < XHCN, do 2 siêu cường Xô, Mĩ đứng đầu mỗi phe.

+ Những bài đã học....

+ Các vấn đề....

- GV: *Trật tự thế giới mới được hình thành như thế nào? Đặc trưng và tác động của trật tự thế giới mới?*

- HS trả lời, GV nhận xét, chốt ý.

- GV chia lớp thành 4 nhóm, nêu yêu cầu cho mỗi nhóm:

Nhóm 1: *Tình hình các nước XHCN (1945-1991 và PTĐTGPDT từ 1945-2000? Nhận xét?*

Nhóm 2: *Nêu những chuyển biến của hệ thống CNĐQ từ nửa sau TK 20? Nhận xét?*

Nhóm 3. *Nêu những nét nổi bật trong quan hệ quốc tế từ 1945-2000? nhận xét?*

Nhóm 4: *Nêu những nét nổi bật quan hệ quốc tế nửa sau TK 20; CMKH-KT; CN; xu thế toàn cầu hóa.*

- HS làm việc theo nhóm, đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.

- GV nhận xét từng nhóm, đánh giá phần thảo luận, dùng bản đồ thế giới để minh họa, chốt ý đồng thời bổ sung để giúp học sinh nhận thức đúng về:

Sau khi HS trình bày xong GV có thể chốt 1 số vấn đề:

+ Vai trò của LX trong thời kỳ chiến tranh lạnh (trụ cột phe XHCN, cường quốc thứ 2 TG sau Mỹ, thành trì của hòa bình thế giới)

+ Sự sụp đổ của LX, Đông Âu mới chỉ là sự sụp đổ của 1 mô hình CNXH chưa khoa học... tương lai của loài người vẫn là sự hướng đến CNXH.

+ Thắng lợi của phong trào GPDT đã làm cho bản đồ chính trị của thế giới có những thay đổi to lớn, sâu sắc. Các quốc gia sau khi giành được độc lập ngày càng tích cực tham gia và có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị.

→ Là nhân tố hàng đầu chi phối nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế.

2. CNXH

- Thắng lợi của CMDTDC ở Đông Âu và châu Á

CNXH từ phạm vi 1 nước trở thành hệ thống thế giới.

- Trong nhiều thập kỉ hệ thống XHCN chiếm lĩnh nhiều đỉnh cao KHKT thế giới.

3. Cao trào GPDT:

- Dấy lên mạnh mẽ ở Á, Phi, MLT.

- Hệ thống thuộc địa của CNĐQ sụp đổ. Hơn 100 quốc gia độc lập trẻ tuổi ra đời -> đóng v.trò quang trọng trong sự P.triển KT,CT của TG...

4. Nửa sau TK XX, hệ thống ĐQCN có những chuyển biến quang trọng:

- Mỹ vươn lên trở thành 1 nước TBCN mạnh nhất, ráo riết thực hiện CLTC nhằm thống trị thế giới.

- Nhờ sự có những điều chỉnh kịp thời, nền kinh tế các nước tư bản có sự tăng trưởng liên tục đưa đến những biến đổi về chất trong cơ cấu cũng như xu hướng P. triển.

- Xu hướng liên kết kinh tế khu vực của các nước TBCN p. triển tiêu biểu là LMC.Âu (EU)

- Mỹ, EU và Nhật trở thành 3 trung tâm KT-TC lớn của thế giới.

5. Nửa sau TK XX, quan hệ quốc tế được mở rộng và đa dạng hơn bao giờ hết

- Sự đối đầu giữa 2 phe trong tình trạng chiến tranh lạnh kéo dài (1947-1989)

- Tuy nhiên, phần lớn các q.gia trên TG vẫn tồn tại hòa bình vừa đấu tranh hợp tác.

- Chiến tranh lạnh chấm dứt: TG chuyển dần sang xu thế đối thoại hợp tác phát triển.

6. Từ những năm 40 TK XX Cuộc cách mạng KH-KT, từ đầu những năm 70 được gọi là CMKH-CN; xu thế toàn cầu hóa.

+ Mặc dù CNTB hiện nay đang có tiềm lực kinh tế, đời sống con người được nâng cao, văn minh hiện đại nhưng <u>không sao giải quyết được</u> những mâu thuẫn nội tại thuộc về bản chất (bóc lột, bất công, tẻ nạn...). CNTB không phải là mô hình vĩnh cửu mà loài người mong đợi. - Liên hệ trách nhiệm thế hệ trẻ VN đối với sự phát triển KH-KT nước nhà.	- Khởi đầu ở Mỹ và lan nhanh khắp thế giới. - Đạt nhiều thành tựu, những hệ quả vô cùng to lớn - Đặt ra nhiều vấn đề mới cho các quốc gia: nhân lực, bảo vệ môi trường, công bằng xã hội...
* Hoạt động 2: cả lớp - GV: <i>Sau khi trật tự 2 cực Ianta sụp đổ, 1 trật tự thế giới mới đang dần dần hình thành. Theo em trật tự đó sẽ diễn ra như thế nào?</i> - HS trả lời. - GV: <i>Điểm nổi bật của quan hệ quốc tế giai đoạn này là gì?</i> Gợi mở: + Xu hướng chung mà các quốc gia trên thế giới lựa chọn là gì? + Quan hệ giữa các nước lớn ra sao? + Ngược lại với xu thế chung của nhân loại là hòa bình ổn định, hợp tác phát triển là những hiện tượng gì? Biểu hiện ở những khu vực nào? + Dưới tác động của CMKHKT, xu thế toàn cầu hóa đã đặt ra cho mỗi dân tộc và toàn thể loài người những vấn đề gì? - HS theo gợi ý của GV để trả lời, GV tổng kết và liên hệ VN (đường lối đối mới 12/1986).	II. XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH. - Từ 1991, trật tự 2 cực Ianta sụp đổ, 1 trật tự thế giới mới (đa cực) đang dần dần hình thành với sự xuất hiện nhiều hiện tượng và xu thế mới. + Các quốc gia. <u>điều chỉnh chiến lược phát triển</u>, lấy kinh tế làm trọng điểm + Các nước lớn <u>điều chỉnh quan hệ theo hướng đối thoại, thỏa hiệp</u>, tránh xung đột trực tiếp. + Ở nhiều nơi, <u>nội chiến, xung đột, khủng bố vẫn diễn ra gây nhiều tai hại</u>, báo hiệu nguy cơ mới với thế giới. + Xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ có ảnh hưởng to lớn đến nhiều quốc gia, dân tộc, đứng trước những thời cơ và thách thức to lớn. - 4 xu thế phát triển của thế giới sau chiến tranh lạnh: +1. Trật tự thế giới 2 cực sụp đổ, Tg mới đang hình thành theo hướng đa cực + 2. Các quốc gia tập trung pt KT, để xây dựng sức mạnh thực sự của mỗi quốc gia + 3. Mĩ ra sức thiết lập trật tự Tg đơn cực, nhưng không dễ thực hiện được + 4. Hoà bình Tg được củng cố, nhưng nhiều khu vực tình trạng không ổn định với nhiều cuộc xung đột quân sự, nội chiến..

3. Hoạt động luyện tập:

- Nhắc lại những nội dung chính của 2 giai đoạn
- Yêu cầu HS giải thích mốc phân kỳ (1991)

- củng cố nhận thức về vai trò của LX; hiểu đúng về sự sụp đổ của XHCN ở LX-Đông Âu cũng như sự phồn thịnh hiện nay của CNTB; liên hệ VN.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

V. HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC:

- Học bài cũ.
- Ôn tập Chuẩn bị tiết sau kiểm tra 1 tiết.. Hình thức: kiểm tra trắc nghiệm.
- + Toàn bộ chương trình LSTG đã học
- + Trọng tâm: Những nội dung cơ bản đã hướng dẫn trong từng bài, tiết